

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ  
SỞ NỘI VỤ  
---oOo---

**ĐỀ CƯƠNG NHIỆM VỤ**  
**TỔNG THỂ VỀ XÂY DỰNG KHÁNH HOÀ**  
**TRỞ THÀNH THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG**  
*(Kèm theo Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2024*  
*của UBND tỉnh Khánh Hòa)*

Năm 2023

## MỤC LỤC

<b>PHẦN A. PHẦN MỞ ĐẦU</b> .....	<b>2</b>
<b>I. CƠ SỞ CHÍNH TRỊ VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ</b> .....	<b>2</b>
1. Lý do và sự cần thiết lập đề án.....	2
2. Cơ sở chính trị và căn cứ pháp lý.....	2
<b>II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU ĐỀ ÁN</b> .....	<b>5</b>
1. Mục tiêu.....	5
2. Nhiệm vụ .....	5
3. Phạm vi nghiên cứu thực hiện đề án .....	6
<b>III. TỔNG QUAN VỀ TỈNH KHÁNH HÒA</b> .....	<b>8</b>
1. Khái quát quá trình hình thành tỉnh Khánh Hòa .....	8
2. Vị trí địa lý .....	8
3. Văn hoá, dân tộc .....	10
4. Dân số, lao động và thu nhập bình quân đầu người .....	11
5. Thực trạng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật .....	12
6. Thực trạng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội .....	12
7. Về phát triển nhà ở .....	13
8. Khu kinh tế; khu, cụm công nghiệp .....	13
9. Thực trạng phát triển đô thị, nông thôn trên địa bàn tỉnh .....	14
10. Năng lực công tác quản lý nhà nước tỉnh Khánh Hòa .....	18
<b>IV. VỊ THẾ, VAI TRÒ CỦA TỈNH KHÁNH HOÀ TRONG MỐI QUAN HỆ VÙNG VÀ QUỐC GIA</b> .....	<b>19</b>
1. Vai trò đầu tàu về phát triển kinh tế - xã hội.....	19
2. Trung tâm phát triển kinh tế biển của vùng duyên hải miền Trung và cả nước .	20
3. Vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng.....	21
<b>PHẦN B. NỘI DUNG ĐỀ ÁN</b> .....	<b>24</b>
<b>I. ĐÁNH GIÁ TỈNH KHÁNH HOÀ THEO TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG</b> .....	<b>24</b>
1. Về phân loại đô thị .....	24
2. Về đơn vị hành chính: .....	28
<b>II. ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG ĐÔ THỊ THUỘC TỈNH KHÁNH HOÀ THEO TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ</b> .....	<b>29</b>
1. 09 đô thị hiện hữu gồm: .....	29
2. 02 khu vực xã được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại V (chưa thành lập đơn vị hành chính đô thị):.....	29
<b>III. ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, CẤP XÃ THEO TIÊU CHUẨN VÀ PHÂN LOẠI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH</b> .....	<b>30</b>
1. Thành phố Nha Trang có 27 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 19 phường và 8 xã. ....	30
2. Thành phố Cam Ranh có 15 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 9 phường và 6 xã. ....	31

3. Thị xã Ninh Hòa có 27 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm có 07 phường và 20 xã.....	31
4. Huyện Diên Khánh có 18 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Diên Khánh (huyện lỵ) và 17 xã.....	31
5. Huyện Cam Lâm có 14 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, gồm thị trấn Cam Đức (huyện lỵ) và 13 xã.....	31
6. Huyện Vạn Ninh gồm 13 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, gồm 1 thị trấn Vạn Giã và 12 xã.....	31
7. Huyện Khánh Vĩnh có 14 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Khánh Vĩnh (huyện lỵ) và 13 xã.....	31
8. Huyện Khánh Sơn có 8 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Tô Hạp (huyện lỵ) và 7 xã.....	31
9. Huyện Trường Sa: Đơn vị hành chính trực thuộc, diện tích và dân số của huyện Trường Sa sẽ được UBND huyện Trường Sa tổng hợp trong báo cáo riêng.....	31
<b>IV. TỔNG QUAN HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ 03 CẤP.....</b>	<b>31</b>
<b>V. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN.....</b>	<b>31</b>
1. Lộ trình phân loại đô thị loại I – trực thuộc Trung ương do ngành Xây dựng chủ trì: .....	32
2. Lộ trình thành lập thành phố Khánh Hoà trực thuộc Trung ương do ngành Nội vụ chủ trì:.....	33
<b>VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ .....</b>	<b>33</b>
1. Tỉnh Khánh Hoà đạt tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại I – trực thuộc Trung ương	33
2. Tỉnh Khánh Hoà thành thành phố trực thuộc Trung ương.....	33
<b>VII. HỒ SƠ ĐỀ ÁN .....</b>	<b>41</b>
<b>VIII. TỔ CHỨC, TIẾN ĐỘ VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN .....</b>	<b>41</b>
1. Tổ chức thực hiện đề án .....	41
2. Tiến độ thực hiện đề án .....	42
3. Chi phí lập đề án:.....	43
<b>IX. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ .....</b>	<b>43</b>

## DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

CCN	Cụm công nghiệp
ĐVHC	Đơn vị hành chính
ĐGHC	Địa giới hành chính
ĐTM	Đô thị mới
H.	Huyện
HĐND	Hội đồng nhân dân
HTKT	Hạ tầng kỹ thuật
HTXH	Hạ tầng xã hội
KCN	Khu công nghiệp
KĐT	Khu đô thị
KT-XH	Kinh tế - Xã hội
PTĐT	Phát triển đô thị
TĐTT	Thể dục thể thao
TP.	Thành phố, Thị xã
TX.	Thị xã
TT.	Thị trấn
UBND	Ủy ban nhân dân
UBTVQH	Ủy ban Thường vụ quốc hội

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA  
SỞ NỘI VỤ

—000—

**ĐỀ CƯƠNG NHIỆM VỤ  
TỔNG THỂ VỀ XÂY DỰNG KHÁNH HÒA  
TRỞ THÀNH THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG**



**ĐỀ CƯƠNG NHIỆM VỤ  
TỔNG THỂ VỀ XÂY DỰNG KHÁNH HÒA TRỞ THÀNH  
THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG**

Việc lập Đề án tổng thể về xây dựng Khánh Hoà trở thành thành phố trực thuộc Trung ương (**viết tắt là Đề án**) phải: đảm bảo đúng định hướng, mục tiêu và nhiệm vụ về xây dựng Khánh Hoà trở thành thành phố trực thuộc Trung ương theo Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Nội dung Đề án tổng thể về xây dựng Khánh Hoà trở thành thành phố trực thuộc Trung ương được nghiên cứu đề xuất với cấu trúc như sau:

***PHẦN A. PHẦN MỞ ĐẦU***

***I. CƠ SỞ CHÍNH TRỊ VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ***

***II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU ĐỀ ÁN***

***III. TỔNG QUAN VỀ TỈNH KHÁNH HÒA***

***IV. VỊ THẾ, VAI TRÒ CỦA TỈNH KHÁNH HOÀ TRONG MÔI QUAN HỆ VÙNG VÀ QUỐC GIA***

***PHẦN B. NỘI DUNG ĐỀ ÁN***

***I. ĐÁNH GIÁ TỈNH KHÁNH HOÀ THEO TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG***

***II. ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG ĐÔ THỊ THUỘC TỈNH KHÁNH HOÀ THEO TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ***

***III. ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, CẤP XÃ THEO TIÊU CHUẨN VÀ PHÂN LOẠI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH LÃNH THỎ***

***IV. TỔNG QUAN HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ 03 CẤP***

***V. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN***

***VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ***

***VII. TỔ CHỨC, TIẾN ĐỘ VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN***

***VIII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ***

Khánh Hoà trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

## **2.2. Căn cứ pháp lý**

- Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 06/12/2019;
- Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;
- Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;
- Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;
- Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 1210, sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 26);
- Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 1211, sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 27);
- Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2030 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15);
- Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa;
- Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện và cấp xã;
- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới;
- Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị);
- Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây viết tắt

*là Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị);*

- Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2030;

- Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 21/3/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị;

- Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị;

- Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch nâng loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030;

- Quyết định số 298/QĐ-TTg ngày 27/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung Khu kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Nghị quyết số 33-NQ/TU ngày 06/12/2023 của Tỉnh ủy Khánh Hoà về Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 17 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XVIII;

- Chương trình hành động số 30-CTr/TU ngày 23/02/2022 của Tỉnh ủy Khánh Hoà thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị;

- Chương trình hành động số 37-CTr/TU ngày 21/7/2022 của Tỉnh ủy Khánh Hoà thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị;

- Kết luận số 515-KL/TU ngày 06/12/2023 của Tỉnh ủy Khánh Hoà Kết luận Hội nghị lần thứ 17 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khoá XVIII) về tình hình kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024;

- Quyết định số 1165/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh Khánh Hoà về việc ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hành động của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị;

- Kế hoạch số 3025/KH-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh Khánh Hoà thực hiện Quy hoạch tỉnh Khánh Hoà thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Nghị quyết số 135/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND tỉnh Khánh Hoà và Quyết định số 3219/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh Khánh Hoà phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hoà đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.





## **2.1. Đạt tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại I - trực thuộc Trung ương:**

- Tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị, hướng tới phần đầu xây dựng và phát triển đô thị đã được xác định trong Chương trình Phát triển đô thị tỉnh Khánh Hoà đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được UBND tỉnh Khánh Hoà phê duyệt tại Quyết định số 3219/QĐ-UBND ngày 22/12/2023. Lộ trình nâng loại, công nhận đô thị đảm bảo mục tiêu chiến lược Nghị quyết số 09-NQ/TW đã đề ra.

- Thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch, chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới... nhằm đảm bảo tỉnh Khánh Hoà phát triển toàn diện, bền vững phù hợp với Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị.

## **2.2. Đạt tiêu chuẩn thành phố trực thuộc Trung ương:**

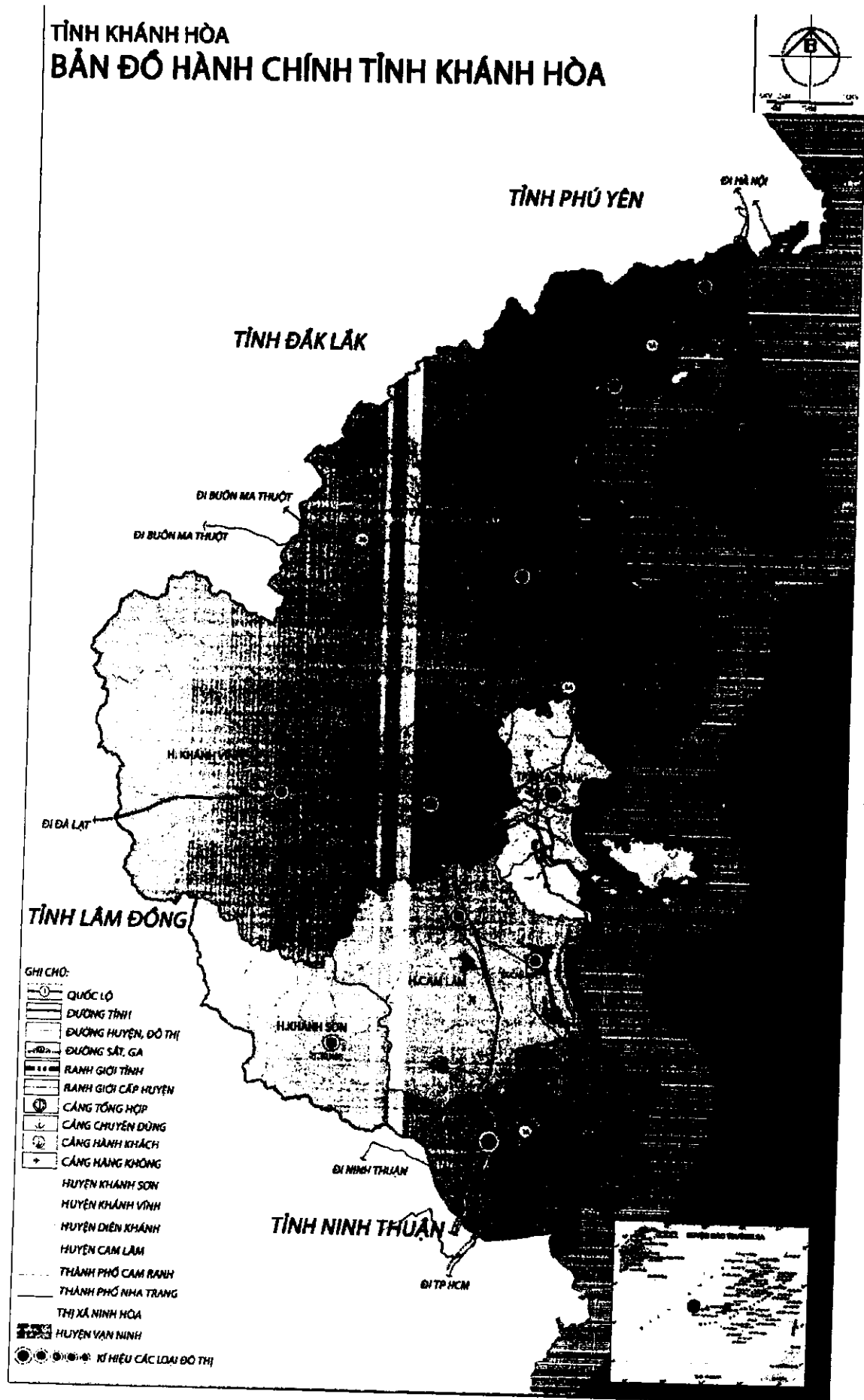
- Tổ chức, sắp xếp, điều chỉnh đơn vị hành chính đô thị, nông thôn hiện trạng theo tiêu chí, tiêu chuẩn Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13, được sửa đổi bởi Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15; đảm bảo lộ trình phù hợp với Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 và định hướng của Nghị quyết 09-NQ/TW.

- Tổ chức hệ thống chính trị 03 cấp theo đơn vị hành chính đô thị và nông thôn đã được sắp xếp như trên.

## **3. Phạm vi nghiên cứu thực hiện đề án**

Bao gồm: Toàn bộ địa giới hành chính tỉnh Khánh Hòa bao gồm 2 thành phố thuộc tỉnh (Nha Trang và Cam Ranh), 1 thị xã (Ninh Hòa) và 6 huyện (Vạn Ninh, Diên Khánh, Khánh Vĩnh, Khánh Sơn, Cam Lâm và huyện đảo Trường Sa). Ranh giới tiếp giáp:

- Phía Bắc giáp tỉnh Phú Yên;
- Phía Tây giáp tỉnh Đắk Lắk;
- Phía Tây Nam giáp tỉnh Lâm Đồng;
- Phía Nam giáp tỉnh Ninh Thuận;
- Phía Đông giáp Biển Đông.



Hình 1. Bản đồ hành chính tỉnh Khánh Hòa

### **III. TỔNG QUAN VỀ TỈNH KHÁNH HÒA**

#### **1. Khái quát quá trình hình thành tỉnh Khánh Hòa**

Khánh Hòa là vùng đất có bề dày lịch sử, văn hóa, nơi đây đã từng tồn tại một nền văn hóa Xóm Cồn có niên đại khoảng trên dưới 3.000 năm.

Năm 1653, với việc chúa Nguyễn Phúc Tần lấy vùng đất từ bờ bắc sông Phan Rang (tỉnh Ninh Thuận ngày nay) ra đến núi Đá Bia - Đèo Cả (ranh giới giữa hai tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa ngày nay) và đặt dinh Thái Khang gồm hai phủ là phủ Thái Khang và phủ Diên Ninh, đây được xem là sự kiện lịch sử mở đầu cho sự hình thành vùng đất Khánh Hòa ngày nay.

Năm Canh Ngọ 1690, chúa Nguyễn Phúc Trăn đổi dinh Thái Khang thành dinh Bình Khang. Năm 1803, dinh Bình Khang được đổi tên thành dinh Bình Hòa, năm 1808 đổi thành trấn Bình Hòa, đến năm 1832 đổi thành tỉnh Khánh Hòa. Như vậy, tên gọi Khánh Hòa được sử dụng chính thức vào năm 1832 dưới triều vua Minh Mạng, gồm 02 phủ: phủ Diên Khánh (gồm 02 huyện: Phước Điền, Vĩnh Xương), phủ Ninh Hòa (gồm 02 huyện: Quảng Phước, Tân Định), tỉnh lỵ là phủ Diên Khánh. Trong các đời vua Thiệu Trị (1841-1847) và Tự Đức (1848 – 1883) và cả giai đoạn đến khi giải phóng miền Nam hoàn toàn thống nhất đất nước (4/1975), tỉnh Khánh Hòa không có thay đổi lớn về mặt hành chính cấp tỉnh. Tháng 11/1975, hai tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa được hợp nhất thành tỉnh Phú Khánh.

Tại kỳ họp thứ 5 ngày 30/6/1989, Quốc hội khóa VIII nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua Nghị quyết chia tỉnh Phú Khánh thành 02 tỉnh lấy tên là tỉnh Phú Yên và tỉnh Khánh Hòa. Tỉnh Khánh Hòa được tái lập có 08 đơn vị hành chính cấp huyện, bao gồm Thành phố Nha Trang và 07 huyện: Vạn Ninh, Ninh Hòa, Khánh Vĩnh, Diên Khánh, Khánh Sơn, Cam Ranh và Trường Sa.

Ngày 11/4/2007 Chính phủ ban hành Nghị định số 65/2007/NĐ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính thị xã Cam Ranh và huyện Diên Khánh để thành lập huyện Cam Lâm và điều chỉnh ĐGHC để thành lập xã, thị trấn thuộc các huyện Cam Lâm, Trường Sa và mở rộng phường Cam Nghĩa thuộc thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa; theo đó, tỉnh Khánh Hòa đã tăng thêm 01 đơn vị hành chính cấp huyện là huyện Cam Lâm. Đồng thời, tại các Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 25/10/2010, Nghị quyết số 65/NQ-CP ngày 23/12/2010 của Chính phủ đã thành lập thị xã Ninh Hòa trên cơ sở huyện Ninh Hòa, thành lập thành phố Cam Ranh trên cơ sở thị xã Cam Ranh thuộc tỉnh Khánh Hòa.

Do vậy, đến nay tỉnh Khánh Hòa có 09 đơn vị hành chính cấp huyện gồm: 02 thành phố: Nha Trang, Cam Ranh; 01 thị xã: Ninh Hòa; 06 huyện: Vạn Ninh, Diên Khánh, Khánh Vĩnh, Cam Lâm, Khánh Sơn, Trường Sa. 139 đơn vị hành chính cấp xã: 98 xã, 35 phường và 06 thị trấn.

#### **2. Vị trí địa lý**

Tỉnh Khánh Hòa có diện tích tự nhiên 5.200,1 km<sup>2</sup>, là một tỉnh thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, phạm vi lãnh thổ đất liền từ 11°41'53" đến 12°52'35" vĩ độ

Bắc và từ 108°40' đến 109°23'24" kinh độ Đông.

Tỉnh Khánh Hòa giáp với tỉnh Phú Yên ở phía Bắc, Ninh Thuận ở phía Nam, Đắk Lắk và Lâm Đồng ở phía Tây. Phía Đông của Khánh Hòa là Biển Đông với đường bờ biển dài 385 km. Trên đường bờ biển này có các vịnh Vân Phong, Nha Trang, Cam Ranh nối tiếp nhau và đều có những giá trị đặc thù với rất nhiều tiềm năng có thể khai thác cho các mục đích kinh tế, du lịch, cảnh quan, nghiên cứu khoa học và quốc phòng - an ninh. Đặc biệt, vịnh Vân Phong có diện tích lớn khoảng 46.000 ha, độ sâu trung bình từ 20 – 30m, tương đối kín và chắn gió tốt; là địa điểm của Việt Nam có vị trí gần nhất với tuyến hàng hải quốc tế, nằm gần ngã ba các tuyến hàng hải quan trọng của thế giới; do vậy có vị trí rất thuận lợi để phát triển cảng biển và các dịch vụ hậu cần cảng, nhất là cảng trung chuyển quốc tế. Với vịnh Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa có tiềm năng trở thành cửa ngõ ra biển quan trọng hàng đầu của cả nước.

Khánh Hòa có thêm lục địa và vùng lãnh hải rộng lớn với trên 200 đảo lớn nhỏ nằm rải rác trên biển, trong đó có quần đảo Trường Sa với vị trí rất quan trọng về quốc phòng và kinh tế của cả nước.

Tỉnh Khánh Hòa nằm ở vị trí thuận tiện cả về giao thông đường bộ, đường sắt, đường biển và đường hàng không. Quốc lộ 1 và đường sắt Bắc – Nam là các tuyến đường huyết mạch quốc gia đi dọc chiều dài của tỉnh (và kết nối với hai tỉnh giáp ranh là Phú Yên và Ninh Thuận). Có Quốc lộ 26 nối Thị xã Ninh Hòa của tỉnh Khánh Hòa với TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk – đô thị trung tâm vùng Tây Nguyên; Quốc lộ 27C kết nối TP. Nha Trang với TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng - một trong những trung tâm du lịch của quốc gia; Quốc lộ 27B kết nối TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa với huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận.

Bên cạnh hệ thống đường quốc lộ, một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc – Nam phía Đông đang được triển khai tại khu vực miền Trung (dự kiến hoàn thành trong năm 2023), trong đó qua tỉnh Khánh Hòa có 2 đoạn Nha Trang – Cam Lâm và Cam Lâm – Vĩnh Hảo. Các tuyến này trước mắt sẽ kết nối với các tuyến đang triển khai là Vĩnh Hảo – Phan Thiết và Phan Thiết – Dầu Giây, từ đó nối vào đường cao tốc TP. Hồ Chí Minh – Long Thành – Dầu Giây, rút ngắn thời gian kết nối với TP. Hồ Chí Minh và vùng KTTĐ phía Nam. Bên cạnh đó, khi các đoạn cao tốc Nha Trang – Vân Phong, Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột dự kiến hoàn thành trong năm 2025 – 2026, Nha Trang (Khánh Hòa) – Liên Khương (Lâm Đồng) dự kiến hoàn thành sau năm 2030 và các đoạn cao tốc qua Bình Định, Phú Yên được đầu tư xây dựng sẽ tạo thành mạng lưới đường cao tốc kết nối toàn dải miền Trung và khu vực Tây Nguyên.

Về cảng biển, tỉnh Khánh Hòa hiện có nhiều cảng biển tổng hợp như các cảng Nha Trang, Cam Ranh, Nam Vân Phong... Bên cạnh đó, Cảng quốc tế Cam Ranh đang phát triển thành một trung tâm hậu cần, dịch vụ hàng hải cho tàu biển các quốc gia. Ngoài các cảng có mục đích dân sự, tỉnh Khánh Hòa có cảng quân sự Cam Ranh là cảng có ý nghĩa chiến lược đặc biệt về quân sự - quốc phòng của Việt Nam.

Về kết nối đường hàng không, tỉnh Khánh Hòa có cảng hàng không (CHK) quốc tế Cam Ranh với nhiều đường bay trong nước và quốc tế (thời gian trước khi đại dịch Covid-19 bùng phát). Năm 2019, lượng khách thông qua CHK quốc tế Cam Ranh đạt tới 6,5 triệu người, trong đó có 3,5 triệu khách quốc tế; đây cũng là CHK có công suất khai thác cao thứ 4 tại Việt Nam.

### **3. Văn hoá, dân tộc**

Khánh Hòa là một tỉnh có nhiều dân tộc sinh sống (Kinh, Raglai, T'rin, Ê đê, Hoa, Tày, Nùng, Mường, Thái, Chăm, Khmer, Thổ...) là nơi hội tụ và giao thoa nhiều loại hình văn hóa của các dân tộc nên các hình thức sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng dân gian và lễ hội phong phú, đa dạng. Trong đó, một số tín ngưỡng dân gian của người Kinh như: thờ cúng ông bà; thờ Thành hoàng làng, tục thờ cúng Ông Nam Hải (Cá Voi)...; tín ngưỡng dân gian của các dân tộc tại chỗ chủ yếu theo tín ngưỡng đa thần: Thần Núi, Thần Sông, Thần Đất, Thần Lúa, Thần Rẫy,... Một số lễ hội truyền thống tiêu biểu như: Lễ hội Cầu ngư của cư dân vùng biển, Lễ hội Am Chúa, Lễ hội Tháp Bà Ponagar Nha Trang gắn với tín ngưỡng thờ Mẫu, Lễ bỏ mả của người Raglai, Lễ ăn mừng lúa mới của các dân tộc, Lễ hội Yên Sào, Lễ hội đình làng nông nghiệp,... Hiện nay, Khánh Hòa có nhiều truyền thống được tổ chức từ cấp tỉnh đến cơ sở, và còn có lễ hội festival Biển Nha Trang – Khánh Hòa được tổ chức định kỳ 2 năm một lần. Ngoài ra, Khánh Hòa còn có nghệ thuật sân khấu Tuồng, sân khấu Bài chòi nổi tiếng, sinh hoạt công chiêng của dân tộc Raglai, Ê đê, ... đã tạo nên bản sắc văn hóa của Khánh Hòa.

Trong quá trình định cư và phát triển ở Khánh Hòa, nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, sản xuất, người dân Khánh Hòa lập nên những làng nghề, nghề truyền thống như: gốm, nghề rèn, đúc đồng, mộc, kéo sợi dệt vải, đan lát, chạm khắc, chế biến nông sản (làm bún, bánh tráng, bánh ướt), chế biến thủy sản (thủy sản phơi khô, ướp muối, làm nước mắm), làm muối,... Ngày nay, với sự phát triển của xã hội, phần lớn các nghề, làng nghề truyền thống đều bị tác động và thu hẹp quy mô sản xuất như: làng nghề đúc đồng ở Diên Khánh, làng nghề làm bún, làm bánh ở Ninh Hòa, Diên Khánh, làng nghề gốm ở Lư Cẩm (Nha Trang), làng nghề làm muối ở Hòn Khôi (Ninh Hòa), làng nghề làm nước mắm ở Vĩnh Nguyên, Vĩnh Trường (Nha Trang), ... Khánh Hòa là vùng đất ven biển, lại có ruộng đồng, núi rừng nên văn hóa ẩm thực khá đa dạng và phong phú.

Với thiên nhiên ưu đãi về cảnh quan, địa văn hóa, đã tạo nên vùng đất Khánh Hòa nhiều công trình di chỉ khảo cổ, di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh tiêu biểu như: di chỉ khảo cổ học Xóm Cồn, Hòa Diêm (Cam Ranh), Dốc Gạo (Khánh Sơn), Vĩnh Yên (Vạn Ninh), Văn Tứ Đông (Cam Lâm),...; các di tích văn hóa - lịch sử như: di tích Am Chúa, Văn Miếu, Thành cổ Diên Khánh (Diên Khánh); di tích Tháp Bà Ponagar, vịnh Nha Trang, Hòn Chồng – Hòn Đỏ (Nha Trang); di tích Lăng Bà Vú, căn cứ cách mạng Hòn Hèo, căn cứ cách mạng Đá Bàn (Ninh Hòa); Mũi Đồi - Hòn Đồi (Hòn Đầu) (Vạn Ninh)..."

#### 4. Dân số, lao động và thu nhập bình quân đầu người

##### 4.1. Dân số

Dân số Khánh Hòa trung bình tỉnh Khánh Hòa năm 2022 là 1.253.969 người chiếm khoảng 1,27% dân số trung bình cả nước và hơn 13% dân số vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung. Tỷ lệ dân số thành thị năm 2022 là 531.192 người chiếm 42,36%.

Tốc độ tăng dân số bình quân giai đoạn 2016 - 2020 là 0,69%/năm. Mật độ dân số của tỉnh Khánh Hòa năm 2022 là 241 người/km<sup>2</sup>, tương đương 80% mức trung bình cả nước.

Về phân bố dân cư, 34,2% dân số của tỉnh Khánh Hòa được tập trung tại TP. Nha Trang, 18,53% tại thị xã Ninh Hòa. Các đơn vị hành chính khác như TP. Cam Ranh, huyện Vạn Ninh, huyện Diên Khánh, huyện Cam Lâm chiếm từ 9-11% dân số tỉnh tại mỗi đơn vị. Hai huyện Khánh Vĩnh và Khánh Sơn mỗi huyện chiếm 2-3% dân số của tỉnh.

##### 4.2. Mật độ dân số

Mật độ dân số tỉnh Khánh Hòa là 241 người/km<sup>2</sup> (so với cả nước 297 người/km<sup>2</sup>, vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung 215 người/km<sup>2</sup>).

**Bảng 1. BẢNG MẬT ĐỘ DÂN SỐ TỈNH KHÁNH HÒA NĂM 2022**

Đơn vị hành chính cấp huyện	Diện tích (km <sup>2</sup> )	Dân số trung bình (người)	Mật độ dân số (người/km <sup>2</sup> )
Toàn tỉnh	5.200,1	1.253.969	241
Thành phố Nha Trang	254,2	430.045	1.692
Thành phố Cam Ranh	327,0	134.018	410
Thị xã Ninh Hòa	1.164,7	232.418	200
Huyện Cam Lâm	547,0	111.230	203
Huyện Vạn Ninh	562,0	132.106	235
Huyện Khánh Vĩnh	1.166,4	41.253	35
Huyện Diên Khánh	343,8	146.243	425
Huyện Khánh Sơn	338,5	26.656	79
Huyện Trường Sa	496,3	-	-

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Khánh Hòa 2022)

Dân số Khánh Hòa hiện nay phân bố không đều. Dân cư tập trung đông nhất ở thành phố Nha Trang (chiếm khoảng 1/3 dân số toàn tỉnh), mật độ dân số 1.692 người/km<sup>2</sup>. Huyện Diên Khánh và thành phố Cam Ranh cũng có mật độ dân số khá

cao (hơn 400 người/km<sup>2</sup>).

Trong khi đó thị xã Ninh Hòa và các huyện còn lại ở đồng bằng có mật độ dân cư không chênh lệch lớn và gần bằng mức trung bình toàn tỉnh (khoảng 200 người/km<sup>2</sup>), đặc biệt các huyện miền núi có mật độ dân số tương đối thấp là huyện Khánh Sơn (79 người/km<sup>2</sup>) và huyện Khánh Vĩnh (35 người/km<sup>2</sup>).

### **4.3. Lao động và chất lượng lao động**

Theo Niên giám thống kê tỉnh Khánh Hòa, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của tỉnh Khánh Hòa là 671 nghìn người, tăng 45,6 nghìn người so với năm 2021.

Trong thời gian tới, cơ cấu lao động theo nghề nghiệp sẽ tiếp tục dịch chuyển theo hướng tăng tỷ trọng lao động làm việc trong các ngành thương mại dịch vụ, công nghiệp xây dựng. Vì vậy, cần tăng cường công tác đào tạo, nâng cao chất lượng của lực lượng lao động để đáp ứng được các yêu cầu về phát triển kinh tế, tạo nguồn lực để thúc đẩy phát triển nhà ở.

### **4.4. Thu nhập bình quân đầu người GRDP**

Theo Niên giám thống kê tỉnh Khánh Hòa 2022, GRDP năm 2022, đạt 95.975,241 tỷ đồng (hoặc 54.505,1 tỷ đồng theo so sánh giá 2010), tăng 20,7% so với GRDP năm 2021, GRDP bình quân đầu người đạt 76,54 triệu đồng tăng 22,35% so năm 2021. Năng suất lao động (theo giá hiện hành) năm 2022 ước được 142,9 triệu đồng/lao động, tăng 14,36% so năm 2021.

## **5. Thực trạng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật**

Số liệu hiện trạng về hệ thống hạ tầng kỹ thuật sẽ được triển khai trong giai đoạn lập đề án, đồng thời được cập nhật đến ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm trình phê duyệt đề án; trong đó danh mục hệ thống hạ tầng kỹ thuật được trình bày theo thứ tự sau:

### **5.1. Hiện trạng hạ tầng giao thông, vận tải**

### **5.2. Hiện trạng hạ tầng cấp nước, thủy lợi và phòng chống thiên tai**

### **5.3. Hiện trạng cấp điện**

### **5.4. Hạ tầng thông tin và truyền thông**

### **5.5. Hiện trạng thoát nước**

### **5.6. Hiện trạng quản lý chất thải rắn (CTR)**

## **6. Thực trạng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội**

Số liệu hiện trạng về hệ thống hạ tầng xã hội sẽ được triển khai trong giai đoạn lập đề án, đồng thời được cập nhật đến ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm trình phê duyệt đề án; trong đó danh mục hệ thống hạ tầng xã hội được trình bày theo thứ tự sau:



## **6.1. Văn hóa, thể thao**

## **6.2. Giáo dục và đào tạo**

## **6.3. Hạ tầng y tế và chăm sóc sức khỏe**

## **6.4. Về hệ thống trung tâm thương mại, siêu thị, chợ**

## **7. Về phát triển nhà ở**

Theo Niên giám thống kê tỉnh Khánh Hòa năm 2022, diện tích sàn nhà ở hoàn thành trong năm 2022 là 1.583.092 m<sup>2</sup>; theo đó tổng diện tích sàn nhà ở lũy kế đến năm 2022 là 31.920.092 m<sup>2</sup>, diện tích nhà ở bình quân đầu người đạt 25,44 m<sup>2</sup> sàn/người.

Theo thống kê chưa đầy đủ toàn tỉnh có khoảng 335.253 căn nhà ở, chủ yếu là nhà ở riêng lẻ, loại hình nhà ở chung cư phát triển tập trung tại thành phố Nha Trang là chủ yếu.

Theo tổng Điều tra dân số và nhà ở ngày 01/04/2019, nhà ở kiên cố và nhà bán kiên cố trên địa bàn tỉnh chiếm 97,6%, Khánh Hòa là tỉnh có tỷ lệ số hộ có nhà ở kiên cố và bán kiên cố đứng thứ 3/8 của vùng duyên hải miền Trung, chỉ sau Đà Nẵng (100%) và Bình Định (100%).

## **8. Khu kinh tế; khu, cụm công nghiệp**

### **8.1. Khu kinh tế**

Khu kinh tế Vân Phong tỉnh Khánh Hòa là một trong ba Khu kinh tế trọng điểm của cả nước (2 khu còn lại là Khu kinh tế Phú Quốc và Khu kinh tế Vân Đồn); Khu kinh tế có diện tích khoảng 150.000ha bao gồm khu vực đất liền, các đảo khoảng 70.822ha và 79.178 ha mặt nước (theo ranh giới hành chính các phường - xã thuộc thị xã Ninh Hòa (18.197ha) và huyện Vạn Giã (52.625ha). Khu kinh tế Vân Phong có lợi thế là cảng nước sâu Đầm Môn có thể tiếp nhận tàu 200.000 DWT vào ra dễ dàng.

Khu kinh tế đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 298/QĐ-TTg ngày 27/3/2023 phù hợp với các chiến lược phát triển quốc gia nói chung và Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 nói riêng; với mục tiêu xây dựng Khu kinh tế trở thành:

- Là khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực có vai trò đầu tàu thu hút đầu tư và là động lực phát triển kinh tế cho các vùng lân cận và cho cả nước. Trong đó kinh tế biển là nền tảng có cạnh tranh chuyên container quốc tế và dịch vụ logistics, đô thị, dịch vụ, du lịch, công nghiệp giữ vai trò quan trọng, kết hợp phát triển các ngành kinh tế khác.

- Là trung tâm dịch vụ du lịch và vui chơi giải trí tổng hợp cao cấp có những sản phẩm dịch vụ, du lịch độc đáo, khác biệt, hiện đại với chất lượng cao, có thương hiệu và khả năng cạnh tranh quốc tế.

- Là khu vực phát triển đô thị thông minh bền vững với hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển đồng bộ, hiện đại.

- Có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng của quốc gia.

## **8.2. Khu công nghiệp (KCN)**

Tỉnh hiện có 04 KCN, trong đó có 02 KCN đã đi vào hoạt động:

- Khu công nghiệp Suối Dầu (giai đoạn 1 là 136,73ha) địa điểm tại xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, đất công nghiệp đã cho thuê là 87ha, tỷ lệ lấp đầy hơn 95%.

- Khu công nghiệp Ninh Thủy (207,9ha) địa điểm tại phường Ninh Thủy, thị xã Ninh Hòa; đất công nghiệp đã cho thuê là 53,08 ha, tỷ lệ lấp đầy đạt khoảng 35%.

- Khu công nghiệp Vạn Thắng (diện tích đất tự nhiên là 200ha) địa điểm tại xã Vạn Thắng và xã Vạn Khánh, huyện Vạn Ninh. Hiện đang triển khai lập Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng (1/2000) để có cơ sở triển khai thủ tục lựa chọn nhà đầu tư theo quy định.

- Khu công nghiệp Nam Cam Ranh (quy mô 350ha) tại xã Cam Thịnh Đông, TP. Cam Ranh. Hiện đang nghiên cứu đề xuất lập quy hoạch phân khu làm cơ sở lập quy hoạch chi tiết xây dựng.

## **8.3. Cụm công nghiệp (CCN)**

Tỉnh Khánh Hòa quy hoạch phát triển 14 CCN. Đến nay, 10 CCN đã có quyết định thành lập; trong đó có 08 CCN được phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng. 07 cụm đã đi vào hoạt động gồm: CCN Diên Phú, CCN Diên Phú - VCN, CCN Đắc Lộc, CCN Sông Cầu, CCN và Chăn nuôi Khatoco, CCN Trảng É 1 và CCN Trảng É 2. Các CCN này đã thu hút 80 dự án (64 dự án đã đi vào hoạt động, giải quyết việc làm cho hơn 4.400 lao động).

## **8.4. Tiểu thủ công nghiệp và làng nghề**

Toàn tỉnh có khoảng 3.550 cơ sở sản xuất, kinh doanh hoạt động trong lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp (TTCN). Các cơ sở này tập trung chủ yếu ở lĩnh vực chế biến nông, lâm, thủy sản và thủ công mỹ nghệ.

## **9. Thực trạng phát triển đô thị, nông thôn trên địa bàn tỉnh**

### **9.1. Phát triển đô thị**

#### **9.1.1. Hệ thống đô thị**

Khánh Hòa có 09 đô thị hiện hữu và 02 khu vực xã đã được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại V (chưa thành lập đơn vị hành chính đô thị); cụ thể như sau:

#### **a. 09 đô thị hiện hữu gồm:**

- 01 Đô thị loại I: Thành phố Nha Trang;
- 01 Đô thị loại III: Thành phố Cam Ranh;

- 03 Đô thị loại IV:
  - + Thị xã Ninh Hoà
  - + Thị trấn Vạn Giã thuộc huyện Vạn Ninh;
  - + Đô thị Diên Khánh (huyện) thuộc tỉnh Khánh Hòa;
- 04 Đô thị loại V là các thị trấn:
  - + Thị trấn Cam Đức thuộc huyện Cam Lâm;
  - + Thị trấn Tô Hạp thuộc huyện Khánh Sơn;
  - + Thị trấn Khánh Vĩnh thuộc huyện Khánh Vĩnh;
  - + Thị trấn Trường Sa thuộc huyện Trường Sa.

**b. 02 khu vực xã được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại V (chưa thành lập đơn vị hành chính đô thị):**

- Khu vực xã Đại Lãnh thuộc huyện Vạn Ninh;
- Khu vực xã Suối Tân thuộc huyện Cam Lâm;

**9.1.2. Về quy hoạch đô thị**

Đến nay, 08/9 đô thị đã được lập, phê duyệt quy hoạch chung và các quy hoạch liên quan để quản lý xây dựng và kêu gọi đầu tư (riêng thị trấn Trường Sa là huyện đảo đặc thù nên chưa được lập quy hoạch chung đô thị). Quy hoạch phân khu đang dần được phủ kín tại các đô thị, trong đó, tại thành phố Nha Trang đạt trên 97,3%, thành phố Cam Ranh và các đô thị còn lại trên 50%.

Thời gian qua, căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và các quy định liên quan, UBND tỉnh Khánh Hòa đã thực hiện điều chỉnh quy hoạch chung của một số đô thị, lập mới hoặc điều chỉnh quy hoạch phân khu các khu vực thuộc địa bàn thành phố Cam Ranh và thành phố Nha Trang nhằm quản lý xây dựng và phủ kín quy hoạch theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được phân cấp. Kết quả thực hiện cụ thể như sau:

**a. Thành phố Nha Trang**

- Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025, đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1396/QĐ-TTg ngày 25/9/2012.

Hiện tỉnh đang triển khai lập điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Nha Trang đến năm 2040 theo nhiệm vụ quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 25/9/2020.

- Diện tích phủ kín quy hoạch phân khu trên địa bàn thành phố Nha Trang khoảng 5.350ha; đạt tỷ lệ phủ kín là 97,3% (theo quy mô quy hoạch chung được duyệt năm 2012 là 5.500ha); 2,7% còn lại thuộc địa bàn các xã Vĩnh Lương, Vĩnh Phương và Vĩnh Ngọc. Hiện nay, tỉnh đang tiếp tục triển khai lập các đồ án quy hoạch phân khu tại các khu vực nêu trên để bảo đảm phủ kín toàn đô thị Nha

Trang, làm cơ sở cho việc lập quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500).

### **b. Thành phố Cam Ranh**

- Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Cam Ranh đến năm 2035 được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt tại Quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 02/02/2016.

- Diện tích phủ kín quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 của thành phố Cam Ranh khoảng 7884,8 ha; đạt tỷ lệ phủ kín quy hoạch 1/2000 là 97,31% (theo quy mô đất xây dựng đô thị được duyệt là 8102,7 ha); phần còn lại thuộc phạm vi ranh giới đan xen giữa các phường và các xã vùng ven.

### **c. Huyện Cam Lâm**

- Đối với khu vực dự kiến hình thành đô thị mới Cam Lâm đô thị loại I - thuộc tỉnh Khánh Hòa: đang triển khai lập Quy hoạch chung đô thị mới Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2045 theo nhiệm vụ quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1052/QĐ-TTg ngày 07/9/2022.

- Đối với thị trấn Cam Đức: đồ án quy hoạch chung xây dựng thị trấn Cam Đức, huyện Cam Lâm đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 444/QĐ-UBND ngày 15/02/2008 và phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 3209/QĐ-UBND ngày 06/11/2015 với quy mô 1.869 ha. Diện tích quy hoạch chi tiết trên địa bàn thị trấn Cam Đức khoảng 870,65ha; đạt tỷ lệ 55%; 45% còn lại thuộc thuộc khu vực sinh thái nông nghiệp theo quy hoạch chung được duyệt.

### **d. Thị xã Ninh Hòa**

- Đồ án Quy hoạch chung xây dựng đô thị Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa giai đoạn đến năm 2020 đã được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt tại Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 18/7/2008.

Hiện địa phương đang triển khai lập điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Ninh Hòa đến năm 2040 theo nhiệm vụ quy hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1871/QĐ-TTg ngày 08/8/2023.

- Diện tích phủ kín quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 trên địa bàn thị xã khoảng 2.393,9ha; đạt tỷ lệ phủ kín 52,9%; 47,1% còn lại đang nghiên cứu tổ chức lập.

### **e. Huyện Vạn Ninh**

- Đối với khu vực dự kiến hình thành đô thị mới Vạn Ninh - đô thị loại IV thuộc tỉnh Khánh Hòa: hiện đang nghiên cứu thực hiện các bước nghiên cứu lập nhiệm vụ quy hoạch theo quy định.

- Đối với thị trấn Vạn Giã: đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Vạn Giã và các vùng phụ cận đến năm 2025 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2303/QĐ-UBND ngày 07/9/2010.

Diện tích phủ kín quy hoạch chi tiết 1/500 trên địa bàn huyện hơn 510 ha.

#### **f. Huyện Diên Khánh**

- Đồ án quy hoạch chung đô thị Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2174/QĐ-UBND ngày 20/8/2014.

Huyện Diên Khánh được Bộ Xây dựng công nhận đạt tiêu chí đô thị loại IV, trực thuộc tỉnh Khánh Hòa tại Quyết định số 220/QĐ-BXD ngày 02/3/2021, với số dân 144.450 người, mật độ dân số toàn đô thị 421 người/km<sup>2</sup>

Hiện địa phương đang triển khai lập điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Diên Khánh đến năm 2040, theo nhiệm vụ quy hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2275/QĐ-UBND ngày 17/8/2022.

- Diện tích quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 trên địa bàn Diên Khánh hơn 625,5ha; đạt tỷ lệ phủ kín là 46,7%.

#### **g. Thị trấn Khánh Vĩnh, huyện Khánh Vĩnh**

- Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Khánh Vĩnh, huyện Khánh Vĩnh đến năm 2025 đã được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt tại Quyết định số 1248/QĐ-UBND ngày 18/5/2015.

- Diện tích quy hoạch chi tiết xây dựng đạt hơn 467,38ha; đạt tỷ lệ phủ kín quy hoạch là 50%.

#### **h. Thị trấn Tô Hạp, huyện Khánh Sơn**

- Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Tô Hạp, huyện Khánh Sơn đến năm 2025 đã được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt tại Quyết định số 1249/QĐ-UBND ngày 18/5/2015.

- Diện tích quy hoạch chi tiết xây dựng hơn 168ha; đạt tỷ lệ phủ kín là 9,6%.

### **9.1.3. Hiện trạng phân vùng không gian phát triển đô thị và chức năng vùng tỉnh Khánh Hòa.**

Vùng đô thị thành phố Nha Trang: Du lịch đô thị; Trung tâm tổ chức sự kiện; Du lịch biển; Du lịch di sản văn hóa; Du lịch sinh thái vịnh, sông, núi, nước khoáng nóng...; Du lịch chữa bệnh, dưỡng sinh; Công viên vui chơi giải trí hiện đại; Cảng du lịch và du thuyền quốc tế; Trung tâm thương mại, tài chính; Trung tâm giáo dục đào tạo.

Vùng đô thị: huyện Vạn Ninh - Bắc Vân Phong: Cảng trung chuyển quốc tế; Khu thương mại tự do, du lịch MICE; Du lịch sinh thái biển, đầm, núi; Công nghiệp sạch, CNC; Trung tâm đào tạo nguồn nhân lực.

Vùng đô thị thị xã Ninh Hòa - Nam Vân Phong: Du lịch sinh thái đầm, núi, biển; Công nghiệp; Đào tạo nghề; Cảng tổng hợp - chuyên dùng.

Vùng đô thị huyện Diên Khánh: Du lịch sinh thái nông nghiệp; Du lịch văn hóa - di tích; Công viên vui chơi giải trí hiện đại; Công nghiệp chế biến CNC.

Vùng đô thị Thành phố Cam Ranh – huyện Cam Lâm: Vùng trung tâm Du

lich biển quốc gia; Sân bay, cảng quốc tế; Du lịch đô thị, hội thảo hội nghị; Công nghiệp sạch, CNC; An ninh - quốc phòng.

Vùng đô thị huyện Khánh Vĩnh - Khánh Sơn: Du lịch sinh thái núi; nông nghiệp; Trang trại, trồng cây ăn quả; nông nghiệp công nghệ cao: Du lịch văn hóa, cộng đồng.

Vùng đô thị huyện đảo Trường Sa: Đô thị khoa học; Trung tâm nghiên cứu bảo tồn biển; sân bay, cảng biển; du lịch, hội thảo hội nghị quốc tế; Kinh tế quốc phòng.

## **9.2. Xây dựng nông thôn mới <sup>(1)</sup>**

Tính đến tháng 12/2023, toàn tỉnh đã có 63/92 xã (tỷ lệ 68,5% số xã) được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; trong đó có 10/92 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (10,9% số xã); không còn xã dưới 10 tiêu chí; số tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới bình quân chung trên địa bàn toàn tỉnh là 14,9 tiêu chí/xã.

## **10. Năng lực công tác quản lý nhà nước tỉnh Khánh Hòa**

### **10.1. Cân đối thu chi ngân sách**

#### **10.1.1. Thu ngân sách**

Theo Niên giám thống kê tỉnh Khánh Hòa năm 2022, tính đến 31/12/2022, thu ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn tỉnh được 16.667 tỷ đồng, bằng 133,3% dự toán, tăng 17,44% so với năm 2021. Trong đó, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 2.744 tỷ đồng, bằng 159,81% và tăng 108,53%; thu từ SXKD trong nước 12.902 tỷ đồng, bằng 127,77% và tăng 7,6% so với năm 2021.

#### **10.1.2. Chi ngân sách**

Về chi ngân sách cho đầu tư phát triển, quy mô chi cho đầu tư phát triển của tỉnh Khánh Hòa năm 2020 chỉ xếp thứ 6 trong vùng và chiếm 9% tổng chi cho đầu tư phát triển của 8 tỉnh, thành phố trong vùng Duyên hải Nam Trung Bộ; tính cả thời kỳ 2011-2020 tỉnh xếp thứ 5/8 trong vùng. Tốc độ tăng chi đầu tư phát triển của tỉnh Khánh Hòa so với các địa phương khác trong thời kỳ 2011-2020 còn tương đối thấp (chi cao hơn TP. Đà Nẵng).

Theo Niên giám thống kê tỉnh Khánh Hòa năm 2022, về chi ngân sách (tính tổng của chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên) của tỉnh Khánh Hòa năm 2022 là 15.282,5 tỷ đồng. Trong đó, chi đầu tư phát triển khoảng 5.501,7 tỷ đồng, gần 163,31% và tăng 38,7% so với năm 2021; một số khoản chi thường xuyên 8.877,4 tỷ đồng, hơn 118,94% và giảm 4,3% so với năm 2021 bao gồm chi sự nghiệp kinh tế tăng 9,49%, chi sự nghiệp văn xã giảm 2,67%, chi quản lý hành chính giảm 3,41%, chi quốc phòng an ninh tăng 0.56%, chi ngân sách tăng 30,77%.

---

<sup>1</sup> Nguồn số liệu đến tháng 12/2023 theo công văn số 6357/SNN-KHĐT ngày 27/12/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

### **10.2. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (chỉ số PCI)**

Điểm số Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Khánh Hòa năm 2022 đạt 67,74 điểm, xếp hạng 16/63 tỉnh, thành phố cả nước.

*(Nguồn Tài liệu báo cáo phục vụ Hội nghị phân tích, đánh giá các Chỉ số PAR-Index, SIPAS, PCI, PAPI năm 2022 tỉnh Khánh Hòa).*

### **10.3. Chỉ số Cải cách hành chính (CCHC) Par-Index**

Năm 2022, chỉ số PAR INDEX tỉnh đạt 86,19%, cao hơn 1,4% chỉ số trung bình chung cả nước, xếp vị thứ 25/63 tỉnh, thành phố. So với năm 2021, chỉ số CCHC tăng 1,08%, vị thứ tăng 23 bậc. Trong đó, kết quả tự đánh giá CCHC của tỉnh được Hội đồng thẩm định Trung ương ghi nhận khá tích cực, đạt 55,67/61,5 điểm, xếp vị thứ 13/63 tỉnh, thành phố. Năm 2022 là năm thứ 4 liên tiếp chỉ số CCHC của tỉnh tăng so với năm trước.

*(Nguồn Tài liệu báo cáo phục vụ Hội nghị phân tích, đánh giá các Chỉ số PAR-Index, SIPAS, PCI, PAPI năm 2022 tỉnh Khánh Hòa).*

### **10.4. Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PaPi)**

Năm 2022, chỉ số PAPI tổng hợp tỉnh đạt 43,4369 điểm, cao hơn 1,1992 điểm so với điểm trung bình các tỉnh, thành phố, xếp vị trí 16/61 tỉnh, thành phố; so với năm 2021 tăng 1,7479 điểm và 24 bậc; thuộc nhóm “Đạt điểm cao”.

*(Nguồn Tài liệu báo cáo phục vụ Hội nghị phân tích, đánh giá các Chỉ số PAR-Index, SIPAS, PCI, PAPI năm 2022 tỉnh Khánh Hòa).*

### **10.5. Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS)**

Chỉ số SIPAS năm 2022 của tỉnh đạt 76,72%, xếp hạng 53/63 tỉnh, thành phố, tăng 03 bậc so với năm 2021 (nếu tính số điểm thì tỉnh đạt 7,76/10 điểm, xếp thứ 54/63 tỉnh, thành phố, chỉ tăng 2 bậc so với năm 2021).

*(Nguồn Tài liệu báo cáo phục vụ Hội nghị phân tích, đánh giá các Chỉ số PAR-Index, SIPAS, PCI, PAPI năm 2022 tỉnh Khánh Hòa).*

## **IV. VỊ THẾ, VAI TRÒ CỦA TỈNH KHÁNH HOÀ TRONG MỐI QUAN HỆ VÙNG VÀ QUỐC GIA**

### **1. Vai trò đầu tàu về phát triển kinh tế - xã hội**

Khánh Hòa nằm ở trung tâm của vùng duyên hải miền Trung, có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, khoa học kỹ thuật và đảm bảo an ninh, quốc phòng của đất nước.

Về diện tích, dân số và mật độ dân số, Khánh Hòa xếp thứ 4 vùng duyên hải miền Trung. Về chất lượng nguồn nhân lực, tỷ lệ lao động qua đào tạo (có bằng cấp, chứng chỉ) của Khánh Hòa năm 2022 là 25,3%, cao thứ 2 trong vùng và thứ 16 cả nước.

Năm 2022, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá so sánh 2010 đạt 54.505,08 tỷ đồng, tăng 20,7% so với năm 2021, xếp thứ 31/63 tỉnh, thành phố và xếp thứ 6 so với 14 tỉnh Bắc Trung Bộ, duyên hải miền Trung và là tỉnh có tốc độ tăng trưởng sản phẩm cao nhất cả nước. (Theo Niên giám thống kê tỉnh Khánh Hòa 2022).

Ngoài ra, với Viện Hải dương học Nha Trang, hiện đóng vai trò quan trọng trong lĩnh vực khoa học, nghiên cứu về biển và kinh tế biển, là cơ sở nghiên cứu lâu đời, có uy tín rộng rãi trong và ngoài nước.

## **2. Trung tâm phát triển kinh tế biển của vùng duyên hải miền Trung và cả nước**

Tỉnh Khánh Hòa là một trung tâm kinh tế biển của vùng duyên hải miền Trung và cả nước, nhất là về du lịch, thủy sản gắn với công nghiệp chế biến và vận tải biển, logistics, cụ thể:

### **2.1. Du lịch biển**

Tỉnh Khánh Hòa là một trong những trung tâm du lịch lớn nhất của vùng và cả nước. Với trên 200 hòn đảo lớn nhỏ nằm rải rác trên biển (bao gồm cả quần đảo Trường Sa) và 3 vịnh đẹp nối tiếp nhau (vịnh Vân Phong, Nha Trang và Cam Ranh), tỉnh có vị thế nổi trội là kinh tế du lịch biển dựa trên khai thác Đảo và Vịnh.

Với vị trí đầu mối kết nối thuận lợi cả về đường bộ, đường biển, đường hàng không, Khánh Hòa cũng là một trung tâm đón và điều phối du khách đến các địa phương duyên hải miền Trung và Tây Nguyên.

### **2.2. Đầu mối trong phát triển kinh tế hàng hải, logistics của vùng và là một cửa ngõ ra biển cho vùng Tây Nguyên.**

Khánh Hòa có nhiều điều kiện, lợi thế để phát triển cảng biển nước sâu và hiện đang có các cảng tổng hợp lớn như Cam Ranh, Bắc Vân Phong, Nam Vân Phong hoạt động hiệu quả, là cơ sở để phát triển mạnh mẽ kinh tế hàng hải, logistics. Với vị trí giáp hai tỉnh Đắk Lắk, Lâm Đồng và được kết nối qua hệ thống đường quốc lộ, Khánh Hòa còn đóng vai trò là cửa ngõ ra biển của các tỉnh Tây Nguyên.

Phía Đông của Khánh Hòa là biển Đông với đường bờ biển dài 385km; có các vịnh Vân Phong, Nha Trang, Cam Ranh nối tiếp nhau và đều có những giá trị đặc thù với rất nhiều tiềm năng có thể khai thác cho các mục đích kinh tế, du lịch, cảnh quan, nghiên cứu khoa học và an ninh quốc phòng.

### **2.3. Vai trò mũi nhọn trong phát triển kinh tế thủy - hải sản**

Khánh Hòa có tiềm năng, thế mạnh rất lớn phát triển thủy sản với 385km đường bờ biển và hơn 200 đảo lớn nhỏ, 3 vịnh, 2 đầm phá tương đối kín gió.

- Năm 2022 tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (theo giá so sánh năm 2010) ước đạt 54.505,1 tỷ đồng, tăng 20,7% so với năm 2021, tăng cao nhất từ trước đến nay và là tỉnh có tốc độ tăng GRDP cao nhất cả nước. Trong đó ngành thủy sản



tăng 3,24%.

- Các sản phẩm thủy sản xuất khẩu của Khánh Hòa đã có mặt trên thị trường 64 quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới. Kim ngạch xuất khẩu thủy sản của tỉnh Khánh Hòa liên tục tăng qua các năm, cụ thể từ 447,3 triệu USD năm 2016 lên 753 triệu USD năm 2022. Riêng năm 2021, tỉnh Khánh Hòa đứng thứ 5/63 tỉnh/thành phố (sau Cà Mau, Sóc Trăng, TP. Hồ Chí Minh, Đồng Tháp), đạt 8,3% giá trị xuất khẩu thủy sản của cả nước.

- Ngành chế biến thủy sản được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Khánh Hòa là một trong những tỉnh tiên phong trong việc:

+ Chuyển dịch cơ cấu sản phẩm thủy sản giản đơn (sơ chế và ướp lạnh) sang các sản phẩm chế biến tinh (như đông lạnh, đóng gói và sản phẩm giá trị gia tăng) để nâng cao giá trị gia tăng từ mỗi đơn vị được chế biến đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm.

+ Chuyển dịch phương thức sản xuất, chế biến với quy mô nhỏ sang quy mô lớn hơn.

+ Chuyển dịch cơ cấu thị trường tiêu thụ nội địa sang thị trường xuất khẩu.

- Khánh Hòa hiện có 05 cảng cá trong đó có 01 cảng cá loại II (cảng cá Hòn Rớ và chợ thủy sản Nam Trung Bộ); 04 cảng cá loại III (cảng cá Đá Bạc, cảng cá Vĩnh Lương, cảng cá Đại Lãnh và cảng cá Quảng Hội<sup>(2)</sup>) và 04 khu neo đậu tránh trú bão bao gồm 02 khu cấp vùng (Khu neo đậu Sông Tắc – Hòn Rớ và Khu neo đậu Vịnh Cam Ranh); 02 khu neo đậu tránh trú bão cấp tỉnh (Ninh Hải - thị xã Ninh Hòa và Đảo Đá Tây - huyện Trường Sa)".

- Theo quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Khánh Hòa được xác định là 1 trong 5 trung tâm nghề cá lớn của cả nước. Trong đó, cảng cá Đá Bạc – Cam Ranh được đầu tư xây dựng Trung tâm nghề cá lớn Khánh Hòa gắn với ngư trường Nam Trung bộ và Trường Sa. Từ đó, tạo sự đột phá trong chiến lược phát triển thủy sản. Đồng thời, tạo động lực thu hút đầu tư phát triển mạnh kinh tế vùng biển Nam Trung Bộ, gắn với bảo vệ chủ quyền quốc gia và an ninh quốc phòng trên các vùng biển, đảo.

- Ngoài ra, Khánh Hòa là một trong những địa phương sản xuất giống thủy sản lớn tại khu vực miền Trung. Nguồn giống thủy sản của tỉnh không chỉ cung cấp cho nhu cầu của địa phương mà còn xuất đi các tỉnh miền Tây, các tỉnh phía Bắc.

### **3. Vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng**

Khánh Hòa có 3 đặc điểm đặc thù, bao gồm: đặc điểm địa lý quân sự, đặc điểm lịch sử và đặc điểm phát triển kinh tế xã hội kết hợp với quốc phòng – an ninh.

---

<sup>2</sup> Cảng cá Quảng Hội đã được công bố mở cảng theo Quyết định số 2846/QĐ-UBND ngày 09/8/2023 của UBND huyện Vạn Ninh.

Về đặc điểm địa lý quân sự, tỉnh Khánh Hòa là vùng đất tọa lạc tại vị trí trọng yếu trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh của khu vực Nam Trung Bộ và của cả nước. Đây là nơi giao thoa giữa núi rừng, đồng bằng duyên hải và biển đảo. Phía sau lưng Khánh Hòa, là dãy Trường Sơn, đặc điểm này đã trao cho Khánh Hòa một vai trò vô cùng xung yếu, trở thành “cửa ngõ” ra Biển Đông của dải Tây Nguyên. Trước cửa biển, Khánh Hòa có Vịnh Cam Ranh – một trong những vịnh nước sâu nắm giữ vai trò chiến lược quân sự hàng đầu thế giới. Xa hơn nữa, là quần đảo Trường Sa, cách Cam Ranh khoảng 250 hải lý. Do đó, yếu tố phòng thủ của Khánh Hòa rất rộng lớn và đặc biệt, trải dài từ núi rừng Trường Sơn cho đến quần đảo Trường Sa.

Ngoài ra, Khánh Hòa có một bờ biển dài với tầm nhìn xa, có thể bao quát được các đảo, quần đảo và các ngư trường truyền thống. Ngay gần bờ biển là tuyến đường hàng hải quốc tế nhộn nhịp, từ Vân Phong ra đến hải phận quốc tế chỉ cách 14 km. Trải dài theo tuyến đường bờ biển là khu vực thềm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế có rất nhiều tài nguyên, khoáng sản.

Như vậy, có thể khẳng định rằng chỉ riêng vùng biển của Khánh Hòa đã nắm giữ ba yếu tố quan trọng: yếu tố đảo; yếu tố thềm lục địa; yếu tố đường vận tải quốc tế bao gồm cả hàng hải và hàng không. Đó là chưa kể tới việc Khánh Hòa nắm giữ vai trò mắt xích trọng yếu của các tuyến đường bộ Bắc – Nam.

Vị trí địa lý quân sự của Khánh Hòa trở nên hết sức nổi bật nhờ sở hữu căn cứ quân sự Cam Ranh, vốn luôn được các cường quốc trên thế giới quan tâm và luôn có thể trở thành yếu tố nhạy cảm trong việc giữ thế cân bằng chiến lược của Việt Nam. Tóm lại, Khánh Hòa có một vị thế xung yếu về quốc phòng – an ninh. Yếu tố này có giá trị không chỉ đối với toàn bộ khu vực Tây Nguyên – Nam Trung Bộ, mà còn hết sức trọng yếu và nhạy cảm đối với cả nước. Trong đó, trước hết và quan trọng nhất chính là nhiệm vụ bảo vệ biển đảo và vị thế quốc tế của Việt Nam liên quan tới các tuyến hàng hải và hàng không quốc tế trên khu vực Biển Đông.  
*(Trích nguồn Báo Khánh Hòa)*



## PHẦN B. NỘI DUNG ĐỀ ÁN

### I. ĐÁNH GIÁ TỈNH KHÁNH HOÀ THEO TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

Để đảm bảo cho tỉnh Khánh Hoà trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2030, Khánh Hoà cần phải đáp ứng được các điều kiện về tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị (theo quy định tại Nghị quyết số 1210 và Nghị quyết số 26 bổ sung Nghị quyết số 1210); tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đơn vị hành chính (theo quy định tại Nghị quyết số 1211 và Nghị quyết số 27 bổ sung Nghị quyết số 1211).

#### 1. Về phân loại đô thị

Áp dụng tiêu chuẩn của đô thị loại I, đô thị thuộc vùng duyên hải miền Trung.

**Bảng 2. BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG CỦA KHÁNH HOÀ THEO TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN ĐÔ THỊ LOẠI I**

Chỉ tiêu	Mô tả	Thang điểm		Điểm đánh giá
		Tối thiểu	Tối đa	
1	Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội	13,5	18	11
	1A. Vị trí, chức năng, vai trò			5
	1B. Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội			6
2	Quy mô dân số	6	8	6,12
3	Mật độ dân số	6	8	0
4	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	4,5	6	1,44
5	Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị	45	60	41,50
	5A. Khu vực nội thành, nội thị			32,62
	5B. Khu vực ngoại thành, ngoại thị			8,88
	<b>Tổng điểm phân loại đô thị</b>	<b>75</b>	<b>100</b>	<b>60,06</b>

(Nguồn: Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hoà đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045)

Hiện trạng phát triển đô thị toàn tỉnh Khánh Hoà theo các tiêu chuẩn của đô thị loại I trực thuộc Trung ương, với khu vực nội thành/nội thị hiện hữu thì tổng số điểm chỉ đạt 60,06 điểm<sup>(3)</sup> (tối thiểu phải đạt 75 điểm). Trong đó, nhiều tiêu chuẩn quan trọng quyết định chất lượng đô thị chưa đạt điểm cần có giải pháp khắc phục.

<sup>3</sup> Đề cương Đề án được lập trên cơ sở số liệu hiện trạng tính đến 31/12/2022. Khi triển khai thực hiện lập Đề án cần phải cập nhật số liệu hiện trạng của năm liền kề trước năm trình phê duyệt (đến 31/12/2023).

Kế thừa Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hoà đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được phê duyệt tại Quyết định số 3219/QĐ-UBND ngày 22/12/2023.

**Bảng 3. BẢNG THÔNG KÊ CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN CHƯA ĐẠT**

STT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Tiêu chí đô thị loại I	Thang điểm (tối đa/tối thiểu)	Hiện trạng năm 2022	Điểm đánh giá
<b>I</b>	<b>CHỨC NĂNG ĐÔ THỊ</b>					
	<b>Tiêu chuẩn cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội</b>					
1	Thu nhập bình quân đầu người/tháng so với trung bình cả nước	lần	≥ 2,1 1,75	2 1,5	1,3	0
2	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất	%	≥ 10 9,0	2 1,5	1,2	0
3	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	%	<2,0 2,5	2 1,5	3,20	0
4	Tỷ lệ tăng dân số	%	≥2,0 1,6	1 0,75	0,62	0
<b>III</b>	<b>MẬT ĐỘ DÂN SỐ</b>					
5	Mật độ dân số toàn đô thị	người/km <sup>2</sup>	≥ 3.000 1.400	2 1,5	241,14	0
6	Mật độ dân số khu vực nội thành, nội thị	người/km <sup>2</sup>	≥ 12.000 10.000	6 4,5	6.156	0
<b>IV</b>	<b>TỶ LỆ LAO ĐỘNG PHI NÔNG NGHIỆP</b>					
7	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thành, nội thị	%	≥ 90 85	4,5 3,5	83,33	0
<b>V</b>	<b>TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN ĐÔ THỊ</b>					
	<b>KHU VỰC NỘI</b>					

STT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Tiêu chí đô thị loại I	Thang điểm (tối đa/tối thiểu)	Hiện trạng năm 2022	Điểm đánh giá
	<b>VỀ HẠ TẦNG TÀI CHÍNH</b>					
8	Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người	m <sup>2</sup> sàn/người	≥ 32 28	1 0,75	26,33	0
	<b>VỀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT</b>					
9	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng	%	≥ 24 16	1 0,75	14,38	0
10	Mật độ đường giao thông đô thị	km/km <sup>2</sup>	≥ 10 8	1 0,75	3,71	0
11	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng	%	≥ 20 15	1 0,75	0,92	0
	<b>NHÀ Ở VÀ CÁC DỊCH VỤ CÔNG</b>					
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km <sup>2</sup>	≥ 4,5 4	2 1,5	3	0
	<b>THU GÓM XỬ LÝ NƯỚC THẢI, CHẤT THẢI</b>					
13	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	≥ 50 30	2 1,5	6,23	0
	<b>NHÀ Ở VÀ DỊCH VỤ CÔNG</b>					
14	Tỷ lệ sử dụng hình thức hòa táng	%	≥ 60 30	1 0,75	5	0
	<b>CÂY XANH ĐÔ THỊ</b>					
15	Đất cây xanh sử dụng công cộng khu vực nội thành, nội thị bình quân đầu người	m <sup>2</sup> /người	≥ 6 5	2 1,5	4,50	0

STT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Tiêu chí đô thị loại I	Thang điểm (tối đa/tối thiểu)	Hiện trạng năm 2022	Điểm đánh giá
	<b>Nhóm các tiêu chuẩn về kiến trúc cảnh quan đô thị</b>					
16	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị	%	≥ 60	2		
			50	1,5	0	0
17	Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị, chung cư cũ, cải tạo môi trường đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu đã có chủ trương đầu tư hoặc đã và đang triển khai thực hiện	Dự án	≥ 6	2		
			4	1,5	2	0
18	Công trình xanh	công trình	Có 02 công trình xanh được cấp giấy chứng nhận	1		
			Có 01 công trình đã được cấp giấy chứng nhận	0,75	0	0
19	Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình đô thị xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh	Khu	≥ 6	1		
			4	0,75	1	0
	<b>KHU VỰC NGOẠI THÀNH, NGOẠI THỊ</b>					
	Về hạ tầng xã hội					
20	Nhà ở dân cư	%	100	1		
			95	0,75	68,5	0

## 2. Về đơn vị hành chính:

Áp dụng tiêu chuẩn của thành phố trực thuộc Trung ương theo Điều 4, Mục 2, Chương I - Nghị quyết số 1211 (được sửa đổi bởi Nghị quyết số 27):

**Bảng 4. SO SÁNH TIÊU CHUẨN THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TW**

STT	Hạng mục	Tiêu chuẩn của thành phố trực thuộc TW	Khánh Hòa		Đánh giá hiện trạng
			Hiện trạng 2022	Dự kiến 2030	
1	Quy mô dân số (người)	1.000.000	1.253.969	1.341.239	Đạt
2	Diện tích tự nhiên (km <sup>2</sup> )	1.500	5.200,1	5.200,1	Đạt
3	Số đơn vị hành chính cấp huyện trực thuộc	9	9	9	Đạt
4	Tỷ số quận trên tổng số đơn vị hành chính cấp huyện	≥ 2	-	-	Chưa đạt
5	Cân đối thu chi ngân sách	Dư	Dư	Dư	Đạt
6	Thu nhập bình quân đầu người so với cả nước (lần)	1,75	1,25	1,75	Chưa đạt
7	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất (%)	Đạt bình quân của cả nước	Cao hơn bình quân cả nước	Cao hơn bình quân cả nước	Đạt
8	Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất (%)	Đạt bình quân của cả nước	Thấp hơn bình quân cả nước	Thấp hơn bình quân cả nước	Đạt
9	Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế	90%	90,90%	93,50%	Đạt
10	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thành, nội thị, thị trấn, quận và phường.	90%	83,33%	90%	Chưa đạt

(Nguồn: Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045)

Ghi chú (\*) Với quy định tổ chức đơn vị hành chính cấp huyện trực thuộc có từ 9 đơn vị trở lên; tỷ lệ số quận, thị xã, thành phố trực thuộc trên tổng số đơn vị hành chính cấp huyện từ 60% trở lên, trong đó có ít nhất 02 Quận.

Phương án tổ chức sắp xếp đơn vị hành chính theo tiêu chuẩn thành phố trực thuộc Trung ương được đề xuất trong Chương trình Phát triển đô thị đã được phê duyệt, Khánh Hòa giữ nguyên tổng số 09 đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó các đvhc được tổ chức như sau:

Thành phố Nha Trang, Đô thị Cam Lâm (thành lập trên cơ sở dân số, diện tích của huyện Cam Lâm).

02 quận, gồm:

+ Quận Ninh Hòa được thành lập trên cơ sở một phần diện tích, dân số thị xã



Ninh Hòa, điều chỉnh sắp xếp một số xã phù hợp sang các địa phương khác để bảo đảm tiêu chuẩn thành lập quận.

+ Quận Cam Ranh trên cơ sở toàn bộ diện tích, dân số của thành phố Cam Ranh.

02 Thị xã gồm: thị xã Diên Khánh, thị xã Vạn Ninh (thành lập trên cơ sở dân số, diện tích của huyện Diên Khánh và huyện Vạn Ninh).

03 Huyện: Khánh Sơn, Khánh Vĩnh, Trường Sa.

Trên cơ sở kết quả đánh giá tỉnh Khánh Hoà theo tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại I trực thuộc Trung ương và tiêu chuẩn thành phố trực thuộc Trung ương nêu trên, nội dung dưới đây, Đề án tiến hành đánh giá:

- Hệ thống đô thị toàn tỉnh (từng đô thị) trong cơ cấu đô thị loại I trực thuộc Trung ương;

- Hệ thống đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong cơ cấu đơn vị hành chính đô thị - nông thôn của thành phố trực thuộc Trung ương.

- Hệ thống chính trị 03 cấp theo cơ cấu hệ thống chính trị thành phố trực thuộc trung ương.

## **II. ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG ĐÔ THỊ THUỘC TỈNH KHÁNH HOÀ THEO TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ**

Khánh Hòa có 09 đô thị hiện hữu và 02 khu vực xã đã được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại V (chưa thành lập đơn vị hành chính đô thị); cụ thể như sau:

### **1. 09 đô thị hiện hữu gồm:**

- 01 Đô thị loại I: Thành phố Nha Trang;

- 01 Đô thị loại III: Thành phố Cam Ranh;

- 03 Đô thị loại IV:

+ Thị xã Ninh Hoà;

+ Thị trấn Vạn Giã thuộc huyện Vạn Ninh;

+ Đô thị Diên Khánh (huyện) thuộc tỉnh Khánh Hòa;

04 Đô thị loại V là các thị trấn:

+ Thị trấn Cam Đức thuộc huyện Cam Lâm;

+ Thị trấn Tô Hạp thuộc huyện Khánh Sơn;

+ Thị trấn Khánh Vĩnh thuộc huyện Khánh Vĩnh;

+ Thị trấn Trường Sa thuộc huyện Trường Sa.

### **2. 02 khu vực xã được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại V (chưa thành lập đơn vị hành chính đô thị):**

Khu vực xã Đại Lãnh thuộc huyện Vạn Ninh (năm 2010);

---

Khu vực xã Suối Tân thuộc huyện Cam Lâm (năm 2010);

**Bảng 5. BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG CÁC ĐÔ THỊ**

STT	Tên đô thị	Loại đô thị được đánh giá	Tiêu chí						Tổng điểm
			Chức năng đô thị	Quy mô dân số	Mật độ dân số	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng khu vực nội thị	Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng khu vực ngoại thị	
1	TP Nha Trang	I	13,75	6,62	6,2	5,88	37,94	10,00	80,39
2	TP Cam Ranh	II	9	4,7	0	1,5	22,17	7,38	44,25
3	TX Ninh Hòa	III	11,72	7,4	0	0	26,76	9,00	54,88
4	KVPT ĐTM Cam Lâm (Huyện)	I	11,75	0	1,2	0	12,10	10,00	35,05
5	Đô thị Diên Khánh (Huyện)	IV	14,5	6,7	6	6	27,80	9,85	70,85
6	KVPT ĐTM Vạn Ninh (Huyện)	IV	13,25	8	6	3,7	33,26	8,27	72,48
7	TT. Tô Hạp	V	11,73	6,31	6	0	29,28	10,00	63,32
8	TT Khánh Vĩnh	V	11,87	6,2	7,5	6	30,28	10,00	71,85
9	TT. Cam Đức	IV	13,45	6,1	7,62	6,00	21,25	10,00	64,42
10	Đô thị Suối Tân	V	8,25	6,63	7	6	14,00	10,00	51,88

Ghi chú: Khu vực phát triển đô thị mới được viết tắt là KVPT ĐTM.

Số điểm đánh giá hiện trạng chính xác của từng đô thị sẽ được xác định theo Chương trình phát triển của từng đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### III. ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, CẤP XÃ THEO TIÊU CHUẨN VÀ PHÂN LOẠI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Đánh giá thực trạng và phân loại các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo tiêu chuẩn đơn vị hành chính đô thị và đơn vị hành chính nông thôn. Bao gồm 9 đơn vị hành chính cấp huyện (thành phố, thị xã, huyện) với 139 đơn vị hành chính cấp xã (xã, phường, thị trấn)

1. Thành phố Nha Trang có 27 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao

gồm 19 phường và 8 xã.

2. Thành phố Cam Ranh có 15 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 9 phường và 6 xã.

3. Thị xã Ninh Hòa có 27 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm có 07 phường và 20 xã.

4. Huyện Diên Khánh có 18 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Diên Khánh (huyện lỵ) và 17 xã.

5. Huyện Cam Lâm có 14 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, gồm thị trấn Cam Đức (huyện lỵ) và 13 xã.

6. Huyện Vạn Ninh gồm 13 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, gồm 1 thị trấn Vạn Giã và 12 xã.

7. Huyện Khánh Vĩnh có 14 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Khánh Vĩnh (huyện lỵ) và 13 xã.

8. Huyện Khánh Sơn có 8 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Tô Hạp (huyện lỵ) và 7 xã.

9. Huyện Trường Sa: Đơn vị hành chính trực thuộc, diện tích và dân số của huyện Trường Sa sẽ được UBND huyện Trường Sa tổng hợp trong báo cáo riêng.

*Chi tiết diện tích, dân số các đơn vị hành chính theo phụ lục đính kèm Đề cương nhiệm vụ.*

#### **IV. TỔNG QUAN HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ 03 CẤP**

Căn cứ đánh giá hiện trạng hệ thống chính trị được tiến hành trên cơ sở chủ trương, chính sách của Đảng, Luật, Nghị định... cùng các chủ trương, chỉ đạo của Trung ương đối với tỉnh Khánh Hòa; trong quá trình triển khai thực hiện đề án, các tổ chức Đảng, cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội ... theo chức năng, phối hợp nghiên cứu, tham mưu cho các tổ chức – cơ quan thẩm quyền hoàn thiện Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo tiêu chuẩn thành phố trực thuộc Trung ương.

#### **V. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

Đề án tổng thể về xây dựng Khánh Hoà trở thành thành phố trực thuộc Trung ương đề ra các nhiệm vụ ưu tiên nhằm thực hiện mục tiêu chiến lược Xây dựng tỉnh phát triển toàn diện trên các lĩnh vực, trở thành thành phố trực thuộc Trung ương đến 2030. Lộ trình thực hiện mục tiêu được phân theo các giai đoạn:

- Trong giai đoạn 2022 – 2027: Khánh Hòa tập trung đầu tư xây dựng phát triển đô thị, phấn đấu hoàn thiện các tiêu chí/tiêu chuẩn còn thiếu, yếu.

- Đến năm 2028 tiến hành lập đề án phân loại và trình Thủ tướng Chính phủ công nhận Khánh Hòa đạt tiêu chuẩn đô thị loại I - trực thuộc Trung ương.

- Giai đoạn 2028 – 2029: tiến hành lập và trình phê duyệt Đề án thành lập

Thành phố Khánh Hòa trực thuộc Trung ương; các quận thuộc thành phố, phường thuộc quận (tạm gọi tên là thành phố Khánh Hòa).

- Giai đoạn sau 2030 (định hướng đến 2045): Thành phố Khánh Hòa sau khi được thành lập tiếp tục mục tiêu tăng cường chất lượng đô thị nhằm đảm bảo:

i) Đáp ứng khả năng cơ quan thẩm quyền bổ sung tiêu chí, tiêu chuẩn, trong đó liên quan đến hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong xếp loại nâng loại đô thị (ứng dụng công nghệ số để phát triển đô thị thông minh, phát triển hạ tầng giao thông công cộng gắn với xây dựng mô hình đô thị TOD...) theo quy định của cơ quan có thẩm quyền và Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia hiện đang được nghiên cứu soạn thảo.

ii) Đáp ứng thực tiễn phát triển của Thành phố Khánh Hòa, tiếp tục rà soát, đánh giá, đề phát triển hệ thống đơn vị hành chính đô thị phù hợp (thành lập quận trên cơ sở thành phố, thị xã; các xã chuyển thành khu vực nội thành, nội thị).

### **1. Lộ trình phân loại đô thị loại I – trực thuộc Trung ương do ngành Xây dựng chủ trì:**

Dựa trên đánh giá thực trạng hệ thống đô thị của tỉnh, của từng đơn vị hành chính, xây dựng lộ trình thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch và phát triển đô thị theo mục tiêu Nghị quyết số 09-NQ/TW đã đề ra.

- Cụ thể hóa định hướng phát triển hệ thống đô thị theo Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kì 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt, phù hợp với chương trình phát triển đô thị Quốc gia và phù hợp với các chủ trương chính sách của Tỉnh.

- Tiếp tục hoàn thiện các tiêu chuẩn, tiêu chí phân loại đô thị, phân đầu xây dựng và phát triển đô thị theo Quy hoạch phát triển hệ thống đô thị đã được định hướng trong Kế hoạch nâng loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 – 2030 theo Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được phê duyệt.

- Xây dựng kế hoạch, lộ trình khắc phục những tiêu chí còn thiếu, còn yếu, đề xuất giải pháp huy động nguồn lực để đầu tư xây dựng phát triển hệ thống hạ tầng khung và hệ thống đô thị trên toàn tỉnh; làm cơ sở để lập các đề án đánh giá nâng loại đô thị, thành lập thị xã, thị trấn, phường trong tương lai.

- Đảm bảo sự phát triển của đô thị đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững, đảm bảo an sinh xã hội gắn với bảo tồn di tích lịch sử, văn hóa và bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh, quốc phòng.

- Nâng cao chất lượng sống người dân đô thị, thông qua việc tập trung nguồn lực hợp lý để xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị và hạ tầng xã hội đô thị, kiến trúc cảnh quan phù hợp, đồng bộ, từng bước hiện đại và bền vững. Đảm bảo tính kết nối theo quy hoạch được duyệt.

Kết quả của lộ trình này là “*Đề án đề nghị công nhận Khánh Hòa đạt tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại I - trực thuộc Trung ương*”.

## **2. Lộ trình thành lập thành phố Khánh Hoà trực thuộc Trung ương do ngành Nội vụ chủ trì:**

Trong giai đoạn lập đề án, tham mưu UBND tỉnh tổ chức nghiên cứu học tập kinh nghiệm về giải pháp tổ chức thực hiện mục tiêu trở thành thành phố trực thuộc Trung ương của các địa phương như Thừa Thiên Huế, Bắc Ninh....

Sở Nội vụ chủ trì tham mưu triển khai tổ chức hệ thống chính trị.

### **2.1. Xây dựng phương án tổ chức đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã**

Trên cơ sở đánh giá thực trạng và định hướng tổ chức đơn vị hành chính, ngành Nội vụ nghiên cứu xây dựng phương án tổ chức, sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã phân theo:

- Đơn vị hành chính đô thị;
- Đơn vị hành chính nông thôn;

### **2.2. Xây dựng hệ thống chính trị 03 cấp**

Dựa trên thực trạng và định hướng, xây dựng tổ chức hệ thống chính trị 03 cấp của Thành phố Khánh Hoà trực thuộc Trung ương bao gồm đô thị và nông thôn.

Trong đó nghiên cứu chuyển đổi tổ chức quản lý bộ máy nhà nước của tỉnh Khánh Hoà sang tổ chức quản lý bộ máy nhà nước của thành phố trực thuộc trung ương theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Kết quả của lộ trình này là “*Đề án thành lập thành phố trực thuộc Trung ương, các quận và phường thuộc quận trên cơ sở địa giới hành chính tỉnh Khánh Hoà*” (tạm gọi tên là thành phố Khánh Hoà).

## **VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ**

Đề án đề xuất các giải pháp thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể phân làm 02 nhóm nhằm thực hiện 02 mục tiêu:

### **1. Tỉnh Khánh Hoà đạt tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại I – trực thuộc Trung ương**

#### **1.1. Các giải pháp toàn tỉnh**

#### **1.2. Các giải pháp cho từng đô thị**

### **2. Tỉnh Khánh Hoà thành thành phố trực thuộc Trung ương**

#### **2.1. Các giải pháp cho toàn tỉnh**

#### **2.2. Các giải pháp cho từng đô thị**

**Bảng 6. GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN ĐÔ THỊ LOẠI I - TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG CHƯA ĐẠT YÊU CẦU <sup>(4)</sup>**

STT	CÁC TIÊU CHUẨN CHƯA ĐẠT ĐIỂM	GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC	CƠ QUAN THAM MƯU/CHỊU TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN
1	Thu nhập bình quân đầu người/năm so với cả nước	- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để nâng cao năng suất, giải phóng lao động, tạo động lực để chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ. Tăng đầu tư phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ, du lịch từ đó làm thay đổi cơ cấu lao động toàn bộ nền kinh tế theo hướng tăng nhu cầu lao động phi nông nghiệp; phát triển mạnh khu vực công nghiệp, dịch vụ ở cả nông thôn và thành thị.	Cơ quan chủ trì tham mưu: Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thực hiện.
2	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình ba năm gần nhất	- Chuyển dịch bền vững lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ. Mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống dịch vụ việc làm, qua đó, kết nối cung - cầu lao động, làm cho thị trường lao động vận hành tốt và hiệu quả.	Cơ quan chủ trì tham mưu: Sở Kế hoạch và Đầu tư. UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thực hiện.
3	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	- Chuyển dịch bền vững lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ. Mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống dịch vụ việc làm, qua đó, kết nối cung - cầu lao động, làm cho thị trường lao động vận hành tốt và hiệu quả.	Cơ quan chủ trì tham mưu: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội. UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thực hiện.
4	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thành, nội thị	- Quản lý tỷ lệ tăng dân số cơ học hàng năm; - Xây dựng chính sách phù hợp để quản lý và phát triển dân số; - Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo công tác dân số các cấp; - Xây dựng các chế độ, chính sách đãi ngộ nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao. Thu hút và giữ chân lực lượng tri thức, lực lượng lao động tới làm việc tại tỉnh Khánh Hòa.	Cơ quan chủ trì tham mưu: Sở ngành, cơ quan chuyên môn theo chức năng được giao. UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thực hiện.
5	Tỷ lệ tăng dân số hàng năm (bao gồm tự nhiên và cơ học)		
6	Mật độ dân số toàn đô thị		
7	Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị khu vực nội thành, nội thị, thị trấn		

<sup>4</sup> Nguồn: Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

STT	CÁC TIÊU CHUẨN CHƯA ĐẠT ĐIỂM	GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC	CƠ QUAN THAM MUU/CHỊU TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN
8	Diện tích sàn nhà ở bình quân	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cải tạo nâng cấp quỹ nhà ở cũ; XD nhà ở tại các KĐTM với nhiều loại hình. Triển khai và hoàn thành các dự án nhà ở xã hội.</li> <li>- Khu vực dân cư cũ (thuộc các khu phố cũ): Giữ lại không gian kiến trúc văn hoá truyền thống các khu dân cư đô thị hiện hữu, phố cũ. Hạn chế không di dời dân cư và xây dựng nhà cao tầng, khuyến khích giữ nguyên mật độ xây dựng và tầng cao như hiện nay, từng bước cải tạo xây dựng chỉnh trang. Bổ xung và hoàn thiện các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.</li> <li>- Triển khai kêu gọi thu hút đầu tư các khu đô thị mới, khu dân cư mới; Phát triển các khu nhà ở mới theo hướng hiện đại, tầng cao phù hợp với tổ chức không gian đô thị trong từng khu vực.</li> </ul>	Cơ quan chủ trì tham mưu: Sở Xây dựng. UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thực hiện.
9	Nhà ở dân cư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống đường bộ: Đường quốc lộ, tỉnh lộ, đường đô thị và ngoại thị, đảm bảo kết nối liên thông và được phân cấp rõ ràng. Chủ động phối hợp với các bộ, ngành Trung ương, sở ngành của tỉnh hoàn chỉnh các trục giao thông đối ngoại.</li> <li>- Đầu tư nâng cấp các tuyến trục dọc chính và tuyến trục ngang chính theo quy hoạch tỉnh nhằm đạt tiêu chí đô thị loại I trực thuộc TW;</li> <li>- Xây dựng hoàn thiện, hiện đại các công trình phục vụ giao thông, tạo thành các đầu mối kết nối liên thông giữa các loại hình vận tải: Đường bộ, đường biển...</li> </ul>	
10	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng		Cơ quan chủ trì tham mưu: Sở Giao thông Vận tải. UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thực hiện.
11	Mật độ đường giao thông (tính đến đường có chiều rộng phần xe chạy $\geq 14$ m)		
12	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng		

STT	CÁC TIÊU CHUẨN CHƯA ĐẠT ĐIỂM	GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC	CƠ QUAN THAM MƯU/CHỊU TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN
		<p>- Rà soát mạng lưới, đánh giá hiệu quả và tiếp tục tăng khả năng tiếp cận các tuyến vận tải công cộng.</p> <p>- Rà soát kết nối với các loại hình vận tải hành khách công cộng đa dạng, kết nối từ không gian, thời gian, thông tin; tổ chức hoạt động vận tải để các loại hình hỗ trợ nhau, cùng thu hút người dân sử dụng vận tải hành khách công cộng, từ phương tiện sức chứa lớn đến sức chứa nhỏ.</p>	
13	Mật độ đường cống thoát nước chính	<p>Đầu tư xây dựng các công trình thu gom, thoát nước thải đô thị và khu dân cư tập trung phải tuân thủ quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, quy hoạch thoát nước thải đô thị theo từng lưu vực thoát nước. Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý phải đạt QCVN 14:2008/BTNMT trước khi xả vào nguồn tiếp nhận;</p> <p>Riêng đối với các khu đô thị, khu dân cư tập trung mới phải xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa để tổ chức đấu nối, thu gom và vận chuyển nước thải, đáp ứng nhu cầu thoát nước trong khu vực</p>	<p>Cơ quan chủ trì tham mưu: Sở Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thực hiện.</p>
14	Tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	<p>- Hạn chế tối đa việc xả chất thải nguy hại ra ngoài môi trường;</p> <p>- Tăng cường công tác phân loại rác tại nguồn, vận chuyển chất thải rắn về khu xử lý chất thải của khu vực theo như quy hoạch tỉnh đã đề xuất. Đặc biệt đối với chất thải nguy hại cần được quản lý chặt chẽ và đưa về khu xử lý chất thải nguy hại theo đúng tiêu chí kỹ thuật, quy định pháp luật hiện</p>	<p>Cơ quan chủ trì tham mưu: Sở ngành, cơ quan chuyên môn theo chức năng được giao.</p> <p>UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thực hiện.</p>



STT	CÁC TIÊU CHUẨN CHƯA ĐẠT ĐIỂM	GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC	CƠ QUAN THAM MƯU/CHỊU TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN
		<p>hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường thu gom và xử lý rác thải ở khu vực đô thị, thành thị; đồng thời xây dựng chính sách hỗ trợ thu gom, vận chuyển và xử lý ở khu vực các xã, phường, thị trấn vừa đáp ứng được nhu cầu chung vừa đáp ứng các tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới.</li> <li>- Khuyến khích chọn công nghệ xử lý rác thải, chất thải nguy hại bằng công nghệ sinh học sau khi xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.</li> </ul>	
15	Tỷ lệ sử dụng hình thức hòa táng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuyên truyền, vận động nhân dân sử dụng rộng rãi hình thức hòa táng trong việc tang là góp phần thực hiện có hiệu quả cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa tại các khu dân cư;</li> <li>- Khuyến khích sử dụng hình thức hòa táng tiên tiến, hiện đại trong việc tang nhằm góp phần bảo vệ môi trường, kiểm soát ô nhiễm, tiết kiệm đất đai và hướng tới phát triển bền vững;</li> <li>- Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng các cơ sở hòa táng cũng như nghiên cứu, chế tạo, sản xuất và cung cấp các thiết bị hòa táng hiện đại, tiết kiệm năng lượng và đảm bảo vệ sinh môi trường.</li> </ul>	<p>Cơ quan chủ trì tham mưu: Sở Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thực hiện.</p>
16	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị	<p>Sở ngành, cơ quan chuyên môn theo chức năng được giao, có trách nhiệm tham mưu, ban hành quy định tuyến phố văn minh đô thị. UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm thực</p>	<p>Cơ quan chủ trì tham mưu: Sở ngành, cơ quan chuyên môn theo chức năng được giao.</p> <p>UBND các huyện, thị</p>

STT	CÁC TIÊU CHUẨN CHƯA ĐẠT ĐIỂM	GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC	CƠ QUAN THAM MƯU/CHỊU TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN
		hiện	xã, thành phố chịu trách nhiệm thực hiện.
17	Đất cây xanh công cộng khu vực nội thành, nội thị	<p>- Tạo điều kiện, khuyến khích cho chủ đầu tư tích cực trong phát triển công viên cây xanh của dự án, khuyến khích các thành phần khác tham gia xã hội hóa phát triển, khai thác, bảo dưỡng công viên cây xanh công cộng;</p> <p>- Tăng cường phát triển cây xanh đối với khu vực nội thành, nội thị;</p> <p>- Dựa trên hệ thống văn bản quy chuẩn, tiêu chuẩn các hướng dẫn kỹ thuật về xây dựng công trình xanh... UBND tỉnh cần sớm xây dựng cơ chế chính sách, tài chính khuyến khích phát triển công trình xanh trên địa bàn. Quan tâm phát triển công trình xanh trong thể loại: nhà ở, nhà công cộng, tòa nhà thương mại... Xây dựng các mô hình thực hiện từ chính sách - thí điểm - lựa chọn hình mẫu chuẩn - áp dụng nhân rộng.</p>	<p>Cơ quan chủ trì tham mưu: Sở Xây dựng/Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thực hiện.</p>
18	Công trình xanh	<p>Đẩy mạnh triển khai thực hiện dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị, chung cư cũ, cải tạo môi trường đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu đã có chủ trương đầu tư hoặc đã và đang triển khai thực hiện</p>	<p>Cơ quan chủ trì tham mưu: Sở Xây dựng. UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thực hiện.</p>
19	Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị, chung cư cũ, cải tạo môi trường đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu đã có chủ trương đầu tư hoặc đã và đang triển khai thực hiện	<p>Triển khai lập quy hoạch, thực hiện đầu tư xây dựng theo quy hoạch được duyệt các khu chức năng đô thị, khu đô thị mới theo mô hình đô thị xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh theo Nghị quyết số 06-NQ/TW của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng và quản lý phát triển bền vững đô thị.</p>	<p>Cơ quan chủ trì tham mưu: Sở Xây dựng. UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thực hiện.</p>
20	Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình đô thị xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh		

**Bảng 7. DANH MỤC CÁC ĐỒ ÁN/ĐỀ ÁN/CHƯƠNG TRÌNH TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN TỔNG THỂ VỀ XÂY DỰNG KHÁNH HÒA TRỞ THÀNH THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG**

STT	Nhiệm vụ ưu tiên thực hiện	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì/thực hiện	Cơ quan phê duyệt	Căn cứ pháp lý
1	Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	2022-2023	UBND tỉnh/Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thủ tướng Chính phủ	Đã phê duyệt
2	Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045	2023	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	Đã phê duyệt
3	Đề cương nhiệm vụ tổng thể về xây dựng Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương	2023-2024	Sở Nội vụ	UBND tỉnh	Hiến pháp năm 2013; Luật Tổ chức CQĐP Luật QH số 21/2017/QH14, Luật QH đô thị Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15, Nghị quyết số 1211 và số 27
4	Rà soát quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng và nội dung sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã theo Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 để điều chỉnh quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	2024	UBND tỉnh/Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thủ tướng Chính phủ	Luật QH số 21/2017/QH14, NQ 35/2023/UBTVQH15, NQ 117/NQ-CP
5	Lập, trình phê duyệt Quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh (Quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết đô thị)	2023-2024	UBND tỉnh (đối với Nha Trang, Cam Lâm); UBND cấp huyện	Thẩm quyền quy định tại Luật Quy hoạch đô thị	Luật QH đô thị
6	Lập, trình phê duyệt Quy hoạch nông thôn trên địa bàn tỉnh (Quy hoạch vùng huyện, Quy hoạch chung xã, Quy hoạch chi tiết điểm dân cư...)	2023-2024	UBND cấp huyện	UBND tỉnh (đối với QH vùng huyện) Còn lại thuộc thẩm quyền UBND cấp	Luật XD

Đề cương nhiệm vụ Đề án tổng thể về xây dựng Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương

STT	Nhiệm vụ ưu tiên thực hiện	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì/ thực hiện	Cơ quan phê duyệt	Căn cứ pháp lý
				huyện	
7	Lập, phê duyệt Chương trình phát triển riêng từng đô thị	2024-2025	UBND cấp huyện	UBND tỉnh	Nghị định số 35/2023/NĐ-CP, Thông tư số 06/2023/TT-BXD
8	Đề án tổng thể xây dựng Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương	2024-2025	Sở Nội vụ	UBND tỉnh	Hiến pháp năm 2013; Luật Tổ chức CQĐP Nghị quyết số 09-NQ/TW Nghị quyết số 1211 và số 27
9	Lập, trình phê duyệt Hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh	2024-2025	UBND tỉnh	Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh	Luật XD Luật QH đô thị Nghị định số 11/2013/NĐ-CP, Nghị định số 35/2023/NĐ-CP
10	Đầu tư hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, xã hội theo danh mục các tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị còn thiếu thuộc thẩm quyền của địa phương	2023 – 2029	UBND các huyện thị, thành phố	UBND tỉnh	
11	Lập, trình phê duyệt và triển khai thực hiện Đề án xây dựng mô hình đô thị thông minh tại thành phố Cam Ranh, thị xã Ninh Hoà, huyện Cam Lâm; triển khai thực hiện tại thành phố Nha Trang (đã được phê duyệt đề án).	2023 - 2030	UBND các huyện thị, thành phố	UBND tỉnh	
12	Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 – 2030	2026 – 2030	UBND huyện, thị, thành phố	UBND tỉnh	
13	Lập, trình phê duyệt đề án công nhận phân loại từng đô thị trên địa bàn tỉnh	2024-2029	UBND cấp huyện	Thẩm quyền quy định tại Nghị quyết của Quốc hội về phân loại đô thị	Nghị quyết số 1210 và số 26. Luật QH đô thị

STT	Nhiệm vụ ưu tiên thực hiện	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì/ thực hiện	Cơ quan phê duyệt	Căn cứ pháp lý
14	Lập, trình phê duyệt đề án điều chỉnh, sắp xếp đơn vị hành chính, theo phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và theo định hướng quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung đô thị, quy hoạch vùng huyện.	2024-2030	UBND tỉnh/Sở Nội vụ/các huyện thị, thành phố	UBTV Quốc hội/Quốc hội	Hiến pháp năm 2013; Luật Tổ chức CQĐP; NQ 35/2023/UBTVQH15; NQ 117/NQ-CP; NQ 09-NQ-TW; NQ 1211/2016/UBTVQH13 và 27/2022/UBTVQH15
15	Lập, trình phê duyệt đề án thành lập các đơn vị hành chính đô thị (thị xã, phường)	2024-2029	Bộ Nội vụ/UBND tỉnh/UBND cấp huyện	UBTV Quốc hội	Hiến pháp năm 2013; Luật Tổ chức CQĐP Nghị quyết số 09-NQ/TW Nghị quyết số 1211 và số 27
16	Lập, trình phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Khánh Hòa (khu vực dự kiến thành lập thành phố trực thuộc TW).	2024-2025	Sở Xây dựng	Thủ tướng Chính phủ	Luật QH đô thị
17	Lập, phê duyệt Chương trình phát triển đô thị khu vực dự kiến thành lập thành phố trực thuộc TW.	2025-2026	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	Nghị định số 35/2023/NĐ-CP, Thông tư số 06/2023/TT-BXD
18	Lập, trình phê duyệt đề án công nhận Khánh Hòa đạt tiêu chí đô thị loại I.	2028	UBND tỉnh/ Sở Xây dựng	Thủ tướng Chính phủ	Nghị quyết số 1210 và số 26. Luật QH đô thị
19	Lập, trình phê duyệt Đề án thành lập Thành phố Khánh Hòa trực thuộc TW; các quận thuộc thành phố, phường thuộc quận (tạm gọi tên là thành phố Khánh Hòa)	2028-2029	Bộ Nội vụ/UBND tỉnh/ Sở Nội vụ	Quốc hội	Hiến pháp năm 2013; Luật Tổ chức CQĐP Nghị quyết số 09-NQ/TW Nghị quyết số 1211 và số 27

*Ghi chú: Đề xuất các nhiệm vụ tổ chức đơn vị hành chính và bộ máy Nhà nước tiến hành đồng bộ giữa các địa phương và thực hiện các đề án đồng thời theo giai đoạn.*

## VII. HỒ SƠ ĐỀ ÁN

Hồ sơ Đề án gồm phần thuyết minh, các phụ lục đánh giá hiện trạng và bản vẽ (nếu có).

## VIII. TỔ CHỨC, TIẾN ĐỘ VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

### 1. Tổ chức thực hiện đề án

- Cơ quan chủ trì lập: Sở Nội vụ;
- Cơ quan phối hợp: Sở Xây dựng, các Sở ngành, UBND các huyện, thị, thành phố và các cơ quan có liên quan;
- Cơ quan thẩm định: UBND tỉnh giao Sở Nội vụ tổ chức thẩm định;
- Cơ quan lấy ý kiến: Bộ Nội vụ và cơ quan Trung ương có thẩm quyền;
- Cơ quan trình phê duyệt: Sở Nội vụ;
- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh Khánh Hòa.
- Đơn vị tư vấn lập Đề án: Tổ chức lựa chọn theo quy định của Luật Đấu thầu.

## 2. Tiến độ thực hiện đề án

Thời gian tổ chức thực hiện: Năm 2024 - 2025

Tiến độ thực hiện lập và trình duyệt đề án dự kiến là 300 ngày, chi tiết như sau:

Tiến độ thực hiện Đề án	Thời gian thực hiện (ngày)
- Bắt đầu triển khai lập Đề án	Kể từ ngày Hợp đồng tư vấn có hiệu lực
- Khảo sát, thu thập số liệu, tổng hợp, phân tích dữ liệu	30
- Dự thảo thuyết minh Đề án	150
- Báo cáo Sở Nội vụ và các Sở, ban ngành, UBND các huyện, thị, thành phố của tỉnh xem xét nội dung và hiệu chỉnh báo cáo theo ý kiến góp ý của các Sở, ban ngành, UBND các huyện, thị, thành phố.	20
- Lấy ý kiến cộng đồng dân cư các huyện, thị, thành phố (trong trường hợp cần thiết)	20
- Trình Sở Nội vụ tổ chức thẩm định, báo cáo UBND tỉnh nội dung Đề án	10
- Ban Cán sự - UBND tỉnh báo cáo xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy	10
- UBND tỉnh báo cáo lấy ý kiến HĐND tỉnh	20
- UBND tỉnh lấy ý kiến Bộ Nội vụ và cơ quan Trung ương có thẩm quyền (trường hợp cần thiết)	20
- UBND tỉnh phê duyệt Đề án.	20

<b>Tiến độ thực hiện Đề án</b>	<b>Thời gian thực hiện (ngày)</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>300</b>

### **3. Chi phí lập đề án:**

Chi phí lập, thẩm định Đề án tổng thể về xây dựng Khánh Hoà trở thành thành phố trực thuộc Trung ương sẽ được lập dự toán chi tiết sau khi có Quyết định phê duyệt Đề cương nhiệm vụ.

Kinh phí của các hợp phần Đề án sẽ được lập dự toán chi tiết khi có tổ chức lập và thẩm định từng Đề án/Đề án/Chương trình cụ thể.

Việc thanh quyết toán kinh phí lập Đề án và các hợp phần Đề án phải thực hiện theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

## **IX. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

## PHỤ LỤC: DANH SÁCH ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH THUỘC TỈNH KHÁNH HÒA

(Đơn vị hành chính, diện tích và dân số của huyện Trường Sa sẽ được UBND huyện Trường Sa tổng hợp trong báo cáo riêng).

		Dân Số (người)	
			<b>430.045</b>
1	Phường Vĩnh Hòa	11,8840	21.245
2	Phường Vĩnh Hải	4,4870	24.036
3	Phường Vĩnh Phước	1,4444	21.471
4	Phường Ngọc Hiệp	3,4686	24.162
5	Phường Vĩnh Thọ	0,6652	9.637
6	Phường Xương Huân	0,5918	4.947
7	Phường Vạn Thắng	0,3800	9.357
8	Phường Vạn Thạnh	0,3701	9.146
9	Phường Phương Sài	0,3830	8.648
10	Phường Phương Sơn	0,4601	7.984
11	Phường Phước Hải	2,5614	22.181
12	Phường Phước Tân	0,4839	14.716
13	Phường Lộc Thọ	1,3783	10.506
14	Phường Phước Tiến	0,2800	7.648
15	Phường Tân Lập	0,6100	13.104
16	Phường Phước Hòa	0,9450	11.165
17	Phường Vĩnh Nguyên	42,6187	20.587
18	Phường Phước Long	4,4250	33.733
19	Phường Vĩnh Trường	2,3719	16.894
20	Xã Vĩnh Lương	46,1718	16.252
21	Xã Vĩnh Phương	32,5025	16.788
22	Xã Vĩnh Ngọc	8,7815	26.410
23	Xã Vĩnh Thạnh	3,5031	14.211
24	Xã Vĩnh Trung	7,9298	9.441
25	Xã Vĩnh Hiệp	2,6244	12.067
26	Xã Vĩnh Thái	14,4105	13.486



STT	Đơn vị		
27	Xã Phước Đồng	56,9617	30.234

STT	Đơn vị		
Thành phố Cam Ranh			
1	Phường Cam Nghĩa	107,0178	18.605
2	Phường Cam Phúc Bắc	12,684	12.741
3	Phường Cam Phúc Nam	6,987	6.856
4	Phường Cam Phú	6,4933	8.969
5	Phường Cam Thuận	1,7104	9.733
6	Phường Cam Lộc	4,0338	7.938
7	Phường Cam Lợi	0,9597	8.407
8	Phường Cam Linh	2,1637	9.564
9	Phường Ba Ngòi	7,5811	12.222
10	Xã Cam Thành Nam	14,2462	5.298
11	Xã Cam Thịnh Đông	32,5005	7.351
12	Xã Cam Phước Đông	70,6002	13.174
13	Xã Cam Thịnh Tây	33,0866	5.622
14	Xã Cam Lập	22,1416	2.061
15	Xã Cam Bình	4,8558	5.477

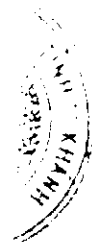
			<b>Dân Số (người)</b>
			<b>232.418</b>
1	Phường Ninh Hiệp	6,03	20.646
2	Phường Ninh Hải	9,57	8.242
3	Phường Ninh Diêm	24,16	9.262
4	Phường Ninh Thủy	16,57	12.036
5	Phường Ninh Đa	13,38	11.112
6	Phường Ninh Giang	6,71	8.546
7	Phường Ninh Hà	12,86	7.612
8	Xã Ninh Xuân	60,42	10.811
9	Xã Ninh An	37,44	12.451
10	Xã Ninh Bình	13,52	11.273
11	Xã Ninh Thọ	28,65	7.202
12	Xã Ninh Sim	33,06	9.507
13	Xã Ninh Phụng	7,96	11.713
14	Xã Ninh Quang	18,39	12.348
15	Xã Ninh Thân	17,42	9.262
16	Xã Ninh Phú	59,02	6.472
17	Xã Ninh Hưng	30,88	6.306
18	Xã Ninh Lộc	31,35	8.706
19	Xã Ninh Trung	17,66	6.365
20	Xã Ninh Đông	8,43	5.902
21	Xã Ninh Phước	39,44	6.605
22	Xã Ninh Vân	44,42	1.856
23	Xã Ninh Ích	60,99	8.872
24	Xã Ninh Sơn	170,88	5.801
25	Xã Ninh Thượng	74,37	5.691
26	Xã Ninh Tây	242,85	4.703
27	Xã Ninh Tân	78,22	3.116

STT	Huyện Vạn Ninh		
1	Thị trấn Vạn Giã	2,7	19.881
2	Xã Đại Lãnh	19,7	8.553
3	Xã Vạn Phước	26,0	7.475
4	Xã Vạn Long	30,6	8.566
5	Xã Vạn Bình	56,4	8.601
6	Xã Vạn Khánh	43,0	8.091
7	Xã Vạn Phú	66,7	12.482
8	Xã Vạn Lương	61,1	12.272
9	Xã Vạn Thắng	18,4	18.623
10	Xã Vạn Hưng	50,3	11.967
11	Xã Vạn Thọ	22,2	4.319
12	Xã Vạn Thạnh	129,0	6.593
13	Xã Xuân Sơn	35,8	4.152

			<b>Dân số (người)</b>
			<b>111.230</b>
1	Thị trấn Cam Đức	17,63	17.355
2	Xã Cam Hòa	37,23	13.886
3	Xã Cam Hải Đông	35,66	3.168
4	Xã Cam Hải Tây	11,93	6.512
5	Xã Cam Thành Bắc	21,77	14.544
6	Xã Cam Tân	29,05	8.907
7	Xã Cam Hiệp Bắc	15,06	3.284
8	Xã Cam Hiệp Nam	19,11	5.275
9	Xã Cam Phước Tây	87,04	6.599
10	Xã Cam An Bắc	20,38	5.208
11	Xã Cam An Nam	20,16	4.796
12	Xã Suối Cát	100,86	10.724
13	Xã Suối Tân	76,3	9.863
14	Xã Sơn Tân	55,01	1.109

STT	Đơn vị		
	<b>Huyện Diên Khánh</b>		
1	Thị trấn Diên Khánh	3,91	20.488
2	Xã Diên Điền	33,26	11.820
3	Xã Diên Sơn	23,87	12.064
4	Xã Diên Phú	6,61	11.150
5	Xã Diên Phước	5,02	6.974
6	Xã Diên Lạc	4,78	9.761
7	Xã Diên Thạnh	3,02	6.355
8	Xã Diên Toàn	6,10	7.407
9	Xã Diên An	8,40	11.510
10	Xã Suối Hiệp	16,09	9.442
11	Xã Diên Lâm	74,18	4.962
12	Xã Diên Xuân	26,22	4.976
13	Xã Diên Đồng	17,41	3.402
14	Xã Diên Thọ	24,78	4.951
15	Xã Diên Tân	43,84	3.071
16	Xã Diên Hòa	7,05	5.691
17	Xã Bình Lộc	13,33	7.255
18	Xã Suối Tiên	25,92	4.964

			Dân Số (người)
			<b>26.656</b>
1	Thị trấn Tô Hạp	16,77	4.840
2	Xã Thành Sơn	73,06	3.354
3	Xã Sơn Lâm	52,53	3.417
4	Xã Sơn Hiệp	34,24	1.913
5	Xã Sơn Bình	47,67	3.449
6	Xã Sơn Trung	33,33	2.666
7	Xã Ba Cạm Bắc	37,79	5.426
8	Xã Ba Cạm Nam	43,14	1.591



STT	Đơn vị hành chính		
	<b>Huyện Khánh Vĩnh</b>		
1	Thị trấn Khánh Vĩnh	9,5	4.989
2	Xã Khánh Hiệp	161,74	3.883
3	Xã Khánh Bình	87,1	4.956
4	Xã Khánh Trung	176,75	3.163
5	Xã Khánh Đông	57,07	3.424
6	Xã Khánh Thượng	208,09	2.679
7	Xã Khánh Nam	42,17	2.155
8	Xã Sông Cầu	24,96	1.233
9	Xã Giang Ly	43,99	1.777
10	Xã Cầu Bà	19,72	2.719
11	Xã Liên Sang	58,27	2.024
12	Xã Khánh Thành	57,18	2.089
13	Xã Khánh Phú	157,93	3.679
14	Xã Sơn Thái	61,96	2.484